ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TRẦN LÃM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 128/TB-UBND	*Trần Lãm, ngày 22 tháng 5 năm 2026*

THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT
Để thực hiện dự án Phát triển nhà ở khu đô thị mới Kiến Giang, thành phố Thái Bình

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 19/2/2025 của HĐND tỉnh Thái Bình phê duyệt danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Thái Bình; Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 15/11/2024 của HĐND tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt danh mục các dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất mà có diện tích đất trồng lúa theo quy hoạch trên địa bàn tỉnh Thái Bình;

Căn cứ Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Quy định chi tiết một số chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 13/2026/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phân cấp, ủy quyền một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 288/QĐ-UBND ngày 24/01/2017 của UBND tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị mới Kiến Giang, thành phố Thái Bình (*được điều chỉnh tại Quyết định số 2949/QĐ-UBND ngày 09/11/2018*); Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 09/4/2023 của UBND thành phố Thái Bình phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị mới Kiến Giang, thành phố Thái Bình;

Căn cứ Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 24/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 14/8/2024 của UBND tỉnh Thái Bình về việc chấp thuận nhà đầu tư thực hiện Dự án Phát triển nhà ở Khu đô thị mới Kiến Giang, thành phố Thái Bình;

Căn cứ Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 19/5/2025 của UBND thành phố Thái Bình về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Phát triển nhà ở Khu đô thị mới Kiến Giang, thành phố Thái Bình;

Căn cứ Thông báo thu hồi đất số 79/TB-UBND ngày 23/5/2025 của UBND thành phố Thái Bình để thực hiện dự án Phát triển nhà ở Khu đô thị mới Kiến Giang, thành phố Thái Bình;

Căn cứ Quyết định số 2264/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân phường Trần Lãm về việc uỷ quyền giải quyết và ký các văn bản liên quan đến lĩnh vực đất đai;

Theo đề nghị của Trung tâm phát triển quỹ đất số 2 tỉnh Hưng Yên tại Văn bản số 359A/TTPTQĐ2-GPMB ngày 22/5/2026; Đề nghị của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Trần Lãm tại Tờ trình số 301/TTr-KTHTĐT ngày 22/5/2026, Chủ tịch UBND phường thông báo như sau:

1. Lý do thu hồi đất: Để thực hiện hiện dự án Phát triển nhà ở Khu đô thị mới Kiến Giang, thành phố Thái Bình;

2. Diện tích đất dự kiến thu hồi: 748.779,2 m^2 đất của các hộ gia đình, cá nhân, đơn vị thuộc địa giới hành chính phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên (*Có danh sách chi tiết kèm theo*).

Vị trí loại đất thu hồi được xác định theo Tờ chỉnh lý bản Trích lục bản đồ địa chính số TL: 01-2025, số 02-2025, số 03-2025, số 04-2025, số 05-2025, tỷ lệ 1/1000 do Công ty TNHH Quy hoạch và Xây dựng Minh Phương lập ngày 10/01/2025, được Sở Nông nghiệp Môi trường Thái Bình thẩm định ngày 25/3/2025.

3. Kế hoạch điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm: Trung tâm Phát triển quỹ đất số 2 tỉnh Hưng Yên phối hợp với phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị phường, các Tổ trưởng tổ dân phố có diện tích đất thu hồi và người có đất thu hồi thực hiện rà soát diện tích, nguồn gốc, loại đất thu hồi và tài sản gắn liền với đất thu hồi; xác định nguồn gốc đất, đối tượng thu hồi đất và tài sản gắn liền với đất thu hồi; xác định người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan,…

4. Trung tâm phát triển quỹ đất số 2 tỉnh Hưng Yên tổ chức lập, thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trình thẩm định, phê duyệt theo quy định.

Các hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất số 2 tỉnh Hưng Yên và các phòng, đơn vị có liên quan thực hiện việc điều tra, khảo sát đo đạc xác định diện tích đất, thống kê tài sản khác gắn liền với đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Trường hợp các hộ gia đình không chấp hành việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê tài sản khác gắn liền với đất thì Ủy ban nhân dân phường Trần Lãm triển khai kiểm đếm theo quy định của pháp luật.

5. Các nội dung công việc đã triển khai theo Thông báo thu hồi đất số 79/TB-UBND ngày 23/5/2025 của UBND thành phố Thái Bình không tổ chức thực hiện lại.

6. Thông báo có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thông báo này được gửi đến các hộ gia đình, cá nhân, đơn vị có liên quan; đồng thời được niêm yết công khai tại các Nhà văn hóa tổ dân phố Lạc Chính; Tổ dân phố Tiên Sơn; Tổ dân phố Trung Hòa; Tổ 1; Tổ 13; Tổ 14; Tổ 15; Tổ 17; Tổ 18; Đội sản xuất Đội 1, Đội 2, Đội 3, Đội 4, Đội 5, Đội 6, Đội 7 (khu vực Kỳ Bá); Trụ sở UBND phường Trần Lãm; Trung tâm phục vụ Hành chính công phường và Cổng thông tin điện tử phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên.

Chủ tịch UBND phường thông báo để các phòng, đơn vị thuộc phường các cơ quan, đơn vị, tổ trưởng các tổ dân phố, các hộ gia đình, cá nhân có liên quan được biết, thực hiện./.

Nơi nhận:
- Lãnh đạo UBND phường;
- Trung tâm PTQĐ số 2 Hưng Yên;
- Các phòng, đơn vị liên quan;
- Các Tổ trưởng tổ dân phố liên quan;
- Các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi;
- Lưu: VT, KTHTĐT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Lan Anh

DANH SÁCH CÁC THỬA ĐẤT THU HỒI

Dự án: Phát triển nhà ở khu đô thị mới Kiến Giang, thành phố Thái Bình (địa phận phường Trần Lãm cũ)

(Kèm theo Thông báo số 128/TB-UBND ngày 22/5/2026 của UBND phường Trần Lãm)

Đơn vị tính: m2

Stt	Họ tên	Tổ dân phố	Tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất	Diện tích thực hiện dự án (m2)	Ghi chú
A	B	C	D	E	F	G	J
1	Đỗ Xuân Thẻ (đã chết), hiện bà Bùi Thị Thắm (là vợ) đang sử dụng	Tổ 13	62	25	HNK	295,7	
			62	26	HNK	253,4	
2	Trần Công Bẩm (đã chết), hiện bà Vũ Thị Thịnh (là vợ) hiện đang sử dụng	Tổ 13	62	32	LUC	213,2	
3	Trần Công Bể (đã chết), hiện Trần Thị Đông (con gái) đang sử dụng	Tổ 13	61	17	LUC	379,1	
			61	23	LUC	386,3	
			61	24	LUC	396,1	
4	Phan Văn Tốn (đã chết), hiện bà Nguyễn Thị Sót (là vợ) đang sử dụng	Tổ 13	61	18	LUC	715,8	
5	Trần Công Tuấn (đã chết), hiện bà Trần Thị Na (con gái) đang sử dụng	Tổ 13	61	19	LUC	548,6	
6	Vũ Sỹ Quế (Chết), hiện bà Phạm Thị Chích (là vợ) đang sử dụng	Tổ 13	61	21	LUC	591,9	
7	Bùi Đình Ghi (đã chết), hiện bà Bùi Thị Xuyến (con gái) đang sử dụng	Tổ 13	61	29	LUC	563,8	
8	Đỗ Huy Thơm (đã chết), hiện bà Nguyễn Thị Thoa (là vợ) đang sử dụng	Tổ 13	61	44	LUC	745,3	
9	Vũ Thị Miên (đã chết), hiện ông Phan Văn Diệm (con trai) đang sử dụng	Tổ 13	54	65	LUC	185,0	
10	Phạm Thị Hồi (đã chết), hiện ông Vũ Đồng Đông (con trai) đang sử dụng	Tổ 13	61	56	LUC	452,8	
11	Trần Công Truỳ (đã chết), hiện bà Bùi Thị Vui (là vợ) hiện đang sử dụng	Tổ 13	54	33	LUC	144,2	
12	Vũ Thị Phương	Tổ 13	54	57	LUC	560,5	
13	Phan Văn Vuông (đã chết), bà Hạ Thị Thềm (là vợ) đang sử dụng	Tổ 13	54	66	LUC	753,1	
14	Phan Văn Thừa (đã chết), hiện bà Phan Thị Thảo (con gái) hiện đang sử dụng	Tổ 13	54	78	LUC	430,4	
15	Vũ Thị Kỳ (đã chết), ông Vũ Sỹ Mạc (con trai) đang sử dụng	Tổ 14	61	16	LUC	371,8	
16	Nguyễn Văn Nghĩa (đã chết), hiện bà Vũ Thị Minh (là vợ) đang sử dụng	Tổ 14	61	43	LUC	512,8	
17	Vũ Đồng Thanh, Trần Thị Thành	Tổ 14	61	45	LUC	753,7	
18	Vũ Đồng Điển (đã chết), hiện bà Phạm Thị Nụ (là vợ) đang sử dụng	Tổ 14	54	4	LUC	257,0	
19	Vũ Đồng Sơn (đã chết), hiện bà Trần Thị Vân (là vợ) đang sử dụng	Tổ 14	54	59	LUC	512,3	
20	Nguyễn Văn Thủy	Tổ 14	54	75	LUC	356,6	
21	Đỗ Thị Kiên (đã chết), hiện ông Nguyễn Mạnh Cường (con trai) đang sử dụng	Tổ 15	62	35	LUC	320,3	
			62	38	LUC	276,7	

Stt	Họ tên	Tổ dân phố	Tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất	Diện tích thực hiện dự án (m2)	Ghi chú
22	Nguyễn Thị Sy (đã chết), hiện ông Nguyễn Văn Chính (em trai) đang sử dụng	Tổ 15	62	40	LUC	95,2	
23	Phạm Hữu Cửu (đã chết), hiện ông Phạm Hữu Thành (con trai) đnag sử dụng	Tổ 15	62	44	LUC	337,3	
24	Phạm Văn Thoại (đã chết), hiện ông Phạm Như Trung (con trai) đang sử dụng	Tổ 15	62	58	LUC	66,1	
25	Nguyễn Thị Mật	Tổ 15	62	61	LUC	113,9	
26	Nguyễn Trọng Thuỳ (đã chết), hiện bà Lê Thị Hiên (là vợ) đang sử dụng	Tổ 15	62	66	LUC	371,7	
			54	16	LUC	727,6	
27	Trương Thị Đán (đã chết), hiện bà Trương Thị Khuyên (con gái) đang sử dụng	Tổ 15	61	53	LUC	426,2	
28	Bùi Đình Tạc (đã chết), hiện bà Đoàn Thị Ngần (là vợ) hiện đang sử dụng	Tổ 15	61				
				54	LUC	43,1	
			54	14	LUC	653,8	
29	Phan Thị Làu (đã chết), hiện bà Đào Thị Thái (con gái) hiện đang sử dụng	Tổ 15	54	7	LUC	383,4	
30	Mai Văn Mùa (đã chết), hiện ông Mai Văn Tứ (con trai) đang sử dụng	Tổ 15	54	12	LUC	339,1	
31	Phạm Văn Đính, Nguyễn Thị Nhật	Tổ 15	54	45	LUC	708,0	
32	Vũ Thị Hồng Hoa là người đang sử dụng đất (Hiện ông Vũ Thị Hồng Hoa và ông Nguyễn Văn Thi hiện đang tranh chấp)	Tổ 15	54	40	LUC	405,5	
33	Đoàn Thị Tám	Tổ 17	61	32	LUC	400,2	
34	Đặng Thị Láng	Tổ 17	61	37	LUC	608,8	
35	Trương Đình Chung (đã chết), hiện ông Trương Văn Thiện (con trai) là người đang sử dụng	Tổ 17	61	40	LUC	1.696,9	
36	Thái Ngọc Hiến (đã chết), hiện bà Phan Thị Lũy (là vợ đang sử dụng	Tổ 17	61	69	LUC	948,2	
37	Hà Văn Trường, Hoàng Thị Hoa	Tổ 17	62	22	ONT	17,0	
38	Bùi Văn Lực	Tổ 17	62	45	ONT	9,4	
39	Nguyễn Thị Âm (đã chết), hiện ông Nguyễn Hữu Sơn (là cháu) đang sử dụng	Tổ 18	61	36	LUC	1.002,3	
40	Phạm Thị Cách (đã chết), hiện bà Phạm Thị Tuyết (con gái) đang sử dụng	Tổ 18	54	42	LUC	352,6	
41	Phan Văn Nhân (đã chết), hiện bà Lại Thị Chóng (là vợ) hiện đang sử dụng	Tổ 18	54	43	LUC	735,1	
Tổng cộng						**21.417,8**	

DANH SÁCH CÁC THỬA ĐẤT THU HỒI

Dự án: Phát triển nhà ở Khu đô thị mới Kiến Giang, thành phố Thái Bình (đất thu hồi thuộc xã Vũ Chính cũ)

(Kèm theo Thông báo số 128/TB-UBND ngày 22/5/2026 của UBND phường Trần Lãm)

STT	Họ tên	Địa chỉ thửa đất (Tổ dân phố)	Số thửa đất	Tờ bản đồ ĐC	Loại đất dự kiến thu hồi	Diện tích thực hiện dự án (m2)	Ghi chú
1	Cao Văn Bình, Lê Thị Ngoan	Lạc Chính	163	7	LUC	120,9	
			347	7	LUC	380,7	
2	Cao Văn Dược, Tống Thị Hải (ông Dược đã chết), bà Tống Thị Hải đang sử dụng	Lạc Chính	180	7	LUC	475,1	
			164	2	LUC	671,2	
3	Cao Văn Diễn, Nguyễn Thị My (Ông Diễn, bà My đã chết), hiện bà Cao Thị Nguyệt (con gái) đang sử dụng	Lạc Chính	48	7	LUC	897,6	
4	Cao Văn Hùng, Nguyễn Thị Sen	Lạc Chính	159	2	LUC	463,6	
			46	7	LUC	770,5	
5	Cao Văn Lăng, Lê Thị Hiên	Lạc Chính	161	7	LUC	228,6	
			352	7	LUC	288,2	
			361	7	LUC	290,2	
6	Cao Văn Minh, Nguyễn Thị Hoài	Lạc Chính	39	7	LUC	989,4	
7	Cao Văn Minh, Phạm Thị Hoài 281,0 + Nguyễn Thị Tuý đang sử dụng 235,7	Lạc Chính	402	7	LUC	516,7	
8	Cao Văn Phòng, Tống Thị Thuy (ông Phòng đã chết), bà Tống Thị Thuy đang sử dụng	Lạc Chính	112	7	LUC	382,1	
			35	7	LUC	788,3	
9	Cao Văn Quang, Tô Thị Chiên (ông Quang đã chết), bà Tô Thị Chiên đang sử dụng	Lạc Chính	162	7	LUC	316,2	
			348	7	LUC	374,8	
10	Cao Văn Sản, Trịnh Thị Sáo (ông Sản, bà Sáo đã chết), ông Cao Văn Bính (con trai) đang sử dụng	Lạc Chính	858	7	HNK	678,6	
			859	7	NTS	302,3	
			229	7	HNK	950,8	
11	Cao Văn Toan, Trịnh Thị Luyến (ông Toàn, bà Luyến đã chết), hiện ông Cao Văn Toan (con trai) đang sử dụng	Lạc Chính	164	7	LUC	302,3	
12	Cao Văn Toan, Tống Thị Bay	Lạc Chính	221	7	LUC	414,4	
			349	7	LUC	398,5	
13	Đặng Thị Hiền	Lạc Chính	161	2	LUC	436,6	
			429	7	HNK	197,2	
14	Hoàng Minh Giám, Tống Thị Quý	Lạc Chính	96	2	LUC	452,8	
15	Hoàng Thị Chấn (Cháu)	Lạc Chính	320	7	LUC	350,1	
			370	7	LUC	376,3	
16	Hoàng Thị Nhàn	Lạc Chính	211	2	LUC	356,8	
17	Hoàng Văn Khiêm, Trịnh Thị Ngọc	Lạc Chính	333	7	LUC	289,0	
			334	7	LUC	230,6	
			314	7	LUC	517,7	
18	Hoàng Văn Thoán, Lê Thị Sửu	Lạc Chính	145	7	LUC	655,1	
19	Hoàng Văn Thự, Nguyễn Thị Hạ (bà Hạ đã chết), hiện ông Hoàng Văn Thự đang sử dụng	Lạc Chính	152	7	LUC	618,8	
			398	7	HNK	241,0	
			100	7	LUC	1.085,5	

STT	Họ tên	Địa chỉ thửa đất (Tổ dân phố)	Số thửa đất	Tờ bản đồ DC	Loại đất dự kiến thu hồi	Diện tích thực hiện dự án (m2)	Ghi chú
20	Lại Đức Phin, Phan Thị Tho	Lạc Chính	208	7	LUC	1.077,7	
21	Lại Quốc Doanh, Hoàng Thị Thái	Lạc Chính	212	2	LUC	654,0	
			109	7	LUC	437,4	
			406	7	HNK	187,3	
22	Lại Thị Mợi (đã chết), hiện ông Nguyễn Đức Hậu (con trai) đang sử dụng	Lạc Chính	394	7	HNK	117,7	
			85	7	LUC	317,0	
23	Lại Xuân Hộ, Trịnh Thị Chúc (ông Hộ bà Chúc đã chết), bà Lại Thị Động (con gái) đang sử dụng	Lạc Chính	479	7	HNK	406,1	
24	Lại Xuân Sử, Nguyễn Thị Tít (ông Sử bà Tít đã chết), hiện bà Lại Thị Công (con gái) đang sử dụng	Lạc Chính	107	7	LUC	535,9	
			108	7	LUC	425,6	
			407	7	HNK	408,8	
			213	2	LUC	1.051,1	
25	Lê Nguyên Hồng, Mai Thị Mơ	Lạc Chính	77	7	LUC	483,3	
26	Mai Thị Xuyên (Ý)	Lạc Chính	464	7	HNK	653,1	
27	Mai Văn Hoán, Tống Thị Ky (ông Hoán đã chết), bà Tống Thị Ky đang sử dụng	Lạc Chính	4	7	LUC	328,9	
28	Nguyễn Công Bình, Nguyễn Thị Liễu	Lạc Chính	41	7	LUC	593,4	
			366	7	HNK	300,7	
			49	22	ONT	86,5	
29	Nguyễn Công Binh, Trần Thị Hiên	Lạc Chính	49	7	LUC	308,1	
30	Nguyễn Công Quyền, Trịnh Thị Tình (ông Quyền, bà Tình đã chết), bà Nguyễn Hiền Lương (con gái) đang sử dụng	Lạc Chính	76	7	LUC	345,3	
			472	7	HNK	316,6	
31	Nguyễn Công Thanh, Tống Thị Thêm	Lạc Chính	166	2	LUC	787,1	
			182	7	LUC	351,0	
			434	7	HNK	202,3	
32	Nguyễn Công Thương, Trần Thị Dung	Lạc Chính	78	7	LUC	349,6	
			403	7	LUC	295,3	
33	Nguyễn Đức Hậu, Hoàng Thị Bẩy	Lạc Chính	356	7	HNK	306,7	
			219	2	LUC	368,9	
34	Nguyễn Mạnh Sửu, Nguyễn Thị Phương Hoa (ông Sửu đã chết), bà Nguyễn Thị Phương Hoa đang sử dụng	Lạc Chính	84	7	LUC	118,9	
35	Tống Thị Tiện, Vũ Văn Lạc (bà Tiện đã chết), ông Vũ Văn Lạc đang sử dụng	Lạc Chính	159	7	LUC	201,0	
36	Tống Thị Tiện, Vũ Văn Lạc (bà Tiện đã chết), ông Vũ Văn Lạc đang sử dụng + Nguyễn Ngọc Chén, Phan Thị Phượng + Tống Văn Tài, Mai Thị Len	Lạc Chính	863	7	NTS	835,7	
37	Tống Văn Tài, Mai Thị Len	Lạc Chính	862	7	HNK	427,5	
			155	7	LUC	580,6	
38	Nguyễn Ngọc Hội, Trần Thị Tơ	Lạc Chính	82	7	LUC	509,8	
			326	7	LUC	348,9	

STT	Họ tên	Địa chỉ thửa đất (Tổ dân phố)	Số thửa đất	Tờ bản đồ ĐC	Loại đất dự kiến thu hồi	Diện tích thực hiện dự án (m2)	Ghi chú
39	Nguyễn Ngọc Phong, Bùi Thị Xuân	Lạc Chính	97	2	LUC	921,5	
40	Nguyễn Quang Minh, Trịnh Thị Lương	Lạc Chính	47	7	LUC	531,2	
41	Nguyễn Thế Bái, Nguyễn Thị Lý	Lạc Chính	138	7	LUC	1.037,8	
			341	7	LUC	529,6	
42	Nguyễn Thế Cải, Tạ Thị Miên	Lạc Chính	153	2	LUC	915,0	
43	Nguyễn Thế Cải, Tạ Thị Miên 1288 + Nguyễn Thế Cũi, Nguyễn Thị Mơ (ông Cũi, bà Mơ đã chết), hiện ông Nguyễn Thế Cải (con trai) đang sử dụng 110,2	Lạc Chính	11	7	LUC	1.388,9	
44	Nguyễn Thế Cũi, Nguyễn Thị Mơ (ông Cũi, bà Mơ đã chết), hiện ông Nguyễn Thế Cải (con trai) đang sử dụng	Lạc Chính	482	7	HNK	338,9	
45	Nguyễn Thế Cùng, Nguyễn Thị Bình	Lạc Chính	139	7	LUC	1.810,4	
			340	7	LUC	797,8	
46	Nguyễn Thế Chức, Trần Thị Vần (ông Chức, bà Vần đã chết), bà Nguyễn Thị Nguyệt (con gái) đang sử dụng	Lạc Chính	173	7	LUC	347,6	
47	Nguyễn Thế Quân, Phạm Thị Len	Lạc Chính	174	7	LUC	1.127,1	
			358	7	HNK	428,4	
48	Phan Xuân Duy, Hoàng Thị Nhẫn	Lạc Chính	242	7	LUC	398,7	
49	Nguyễn Thế Tuân, Trịnh Thị Bống	Lạc Chính	106	7	LUC	944,8	
50	Nguyễn Thị Gái (đã chết), con trai Nguyễn Ngọc Trà đang sử dụng	Lạc Chính	497	7	HNK	68,2	
51	Nguyễn Thị Kền	Lạc Chính	87	7	LUC	440,8	
52	Trịnh Văn Thắm, Tống Thị Hà	Lạc Chính	54	7	LUC	443,3	
53	Nguyễn Văn Chiến, Nguyễn Thị Thuyên	Lạc Chính	86	2	LUC	1.255,7	
			422	7	HNK	1.307,5	
54	Nguyễn Văn Đón, Phan Thị Thắm	Lạc Chính	13	7	LUC	407,4	
			14	7	LUC	450,1	
			367	7	LUC	637,9	
55	Nguyễn Văn Hiếu, Phạm Thị Ngoát	Lạc Chính	167	2	LUC	1.086,2	
			304	7	LUC	1.059,7	
			425	7	HNK	370,0	
			17	22	ONT	62,4	
56	Nguyễn Văn Khá, Nguyễn Thị Trâm	Lạc Chính	155	2	LUC	438,9	
			428	7	HNK	135,7	
			19	22	ONT+CLN	134,6	
57	Nguyễn Văn Khôi, Trịnh Thị Lan	Lạc Chính	83	7	LUC	859,4	
			238	7	LUC	596,2	
58	Nguyễn Văn Tâm, Vũ Thị Ngôn (ông Tâm bà Ngôn đã chết), hiện bà Nguyễn Thị Thoa (con gái) đang sử dụng	Lạc Chính	154	2	LUC	1.422,9	
			426	7	HNK	171,6	
59	Mai Thị Thanh	Lạc Chính	110	7	LUC	347,3	
			210	2	LUC	295,4	
60	Nguyễn Văn Thuỷ, Nguyễn Thị Hằng (Mai) 900 + Nguyễn Ngọc Trà, Nguyễn Thị Khoa	Lạc Chính	383	7	NTS	1.361,2	

STT	Họ tên	Địa chỉ thửa đất (Tổ dân phố)	Số thửa đất	Tờ bản đồ ĐC	Loại đất dự kiến thu hồi	Diện tích thực hiện dự án (m2)	Ghi chú
61	Nguyễn Ngọc Trà, Nguyễn Thị Khoa	Lạc Chính	384	7	NKH	303,7	
62	Hoàng Thị Tuyết	Lạc Chính	157	2	LUC	1.420,7	
			427	7	HNK	159,2	
63	Nguyễn Xuân Phức, Nguyễn Thị Tám	Lạc Chính	133	7	LUC	344,5	
			223	7	NTS	428,3	
			19	7	LUC	476,0	
64	Phạm Mạnh Hùng, Nguyễn Thị Giang	Lạc Chính	336	7	LUC	337,4	
			492	7	HNK	162,7	
65	Phạm Minh Hồng	Lạc Chính	88	7	LUC	1.219,8	
			89	7	LUC	2.627,7	
			90	7	HNK	1.210,4	
			94	7	HNK	269,2	
66	Phạm Thị Mỳ	Lạc Chính	2	7	LUC	1.116,5	
			473	7	HNK	251,3	
67	Phạm Văn Lệ, Nguyễn Thị Liệu (ông Lệ bà Liệu đã chết), hiện ông Phạm Văn Thuận (cháu nội) đang sử dụng	Lạc Chính	147	7	LUC	637,2	
68	Phạm Văn Xe (đã chết) hiện ông Phạm Văn Xửa (con trai) đang sử dung 267,0 + Nguyễn Thị Cõn (đã chết), ông Phạm Văn Xửa là người được hưởng thừa kế	Lạc Chính	218	2	LUC	668,0	
69	Phạm Văn Xửa, Tống Thị Luân	Lạc Chính	439	7	HNK	65,2	
			45	22	ONT+CLN	26,8	
			51	22	ONT+CLN	14,1	
70	Phạm Văn Xửa,Tống Thị Luân + Phạm Văn Xe (đã chết), hiện ông Trai Phạm Văn Xửa (con trai) đang sử dụng 518,0	Lạc Chính	315	7	LUC	1.228,2	
71	Phan Chi Lăng, Hoàng Thị Đào	Lạc Chính	483	7	HNK	186,8	
72	Phan Quốc Tuấn, Đặng Thị Thêu (ông Tuấn đã chết), bà Đặng Thị Thêu đang sử dụng	Lạc Chính	390	7	LUC	551,8	
			222	7	LUC	652,5	
73	Phan Thị Biên	Lạc Chính	178	7	LUC	211,7	
74	Phan Thị Gái	Lạc Chính	493	7	HNK	81,0	
75	Phan Văn Chúc, Trần Thị Vân (ông Chúc đã chết), bà Trần Thị Vân đang sử dụng	Lạc Chính	91	2	LUC	608,4	
			90	2	LUC	692,1	
76	Phan Văn Diện, Nguyễn Thị Thuý	Lạc Chính	388	7	LUC	693,2	
			16	22	ONT	65,6	
77	Phan Văn Mến, Bùi Thị Ly	Lạc Chính	143	2	LUC	309,9	
78	Phan Văn Thử, Tống Thị Nhị (ông Thử đã chết), bà Tống Thị Nhị đang sử dụng	Lạc Chính	144	2	LUC	386,2	
79	Vũ Thị Gái	Lạc Chính	211	7	LUC	1.007,7	
			393	7	HNK	618,0	
			179	7	LUC	505,3	
80	Tô Xuân Lan	Lạc Chính	288	2	LUC	251,1	
			96	7	LUC	307,9	

STT	Họ tên	Địa chỉ thửa đất (Tổ dân phố)	Số thửa đất	Tờ bản đồ ĐC	Loại đất dự kiến thu hồi	Diện tích thực hiện dự án (m2)	Ghi chú
81	Tống Mạnh Hồng, Phạm Thị Hương	Lạc Chính	172	7	LUC	706,7	
82	Tống Ngọc Tuynh, Vũ Thị Luỹ	Lạc Chính	212	7	LUC	547,2	
83	Tống Sỹ Thoại, Khúc Thị The (ông Thoại đã chết), bà Khúc Thị The đang sử dụng	Lạc Chính	248	7	LUC	222,5	
			490	7	HNK	149,0	
			217	2	LUC	428,1	
84	Nguyễn Đức Việt (đã chết), vợ Tống Thị Chính đang sử dụng	Lạc Chính	168	2	LUC	687,8	
			111	7	LUC	854,8	
			177	7	LUC	130,3	
85	Tống Thị Dung (đã chết), hiện ông Trai Phạm Văn Khương (con trai) đang sử dụng	Lạc Chính	461	7	HNK	227,6	
	Tống Thị Dung (đã chết), hiện ông Trai Phạm Văn Khương (con trai) đang sử dụng + Cao Văn Uyển, Đặng Thị Lương (ông Uyển đã chết), bà Đặng Thị Lương đang sử dụng	Lạc Chính	227	7	LUC	709,4	
86	Đặng Thị Lương (Uyển)	Lạc Chính	228	7	LUC	694,8	
			354	7	LUC	1.014,8	
87	Tống Thị Hường (đã chết), hiện bà Tống Thị Hoa (em gái) đang sử dụng	Lạc Chính	230	7	LUC	465,4	
			322	7	LUC	562,3	
88	Tống Thị Liên, Nguyễn Văn Chức (ông Chức đã chết), bà Tống Thị Liên đang sử dụng	Lạc Chính	81	7	LUC	714,4	
89	Tống Thị Nhuân	Lạc Chính	505	7	HNK	302,5	
90	Tống Thị Nhung	Lạc Chính	232	7	LUC	320,8	
			244	7	LUC	365,4	
91	Tống Thị Tẹo	Lạc Chính	165	2	LUC	388,0	
			181	7	LUC	413,3	
			506	7	HNK	76,8	
92	Tống Thị Thợi	Lạc Chính	44	7	LUC	425,2	
93	Tống Trọng Huấn, Cao Thị Nga	Lạc Chính	151	2	LUC	764,0	
			253	7	LUC	681.8	
			430	7	HNK	257,9	
94	Tống Trọng Tình, Đỗ Thị Lành	Lạc Chính	162	2	LUC	506,1	
			250	7	LUC	945,2	
95	Tống Trung Cam, Nguyễn Thị Tình	Lạc Chính	157	7	LUC	578,8	
96	Tống Văn An, Trần Thị Lưu	Lạc Chính	378	7	NKH	460,4	
			379	7	NTS	1.087,9	
			380	7	NKH	306,9	
			183	7	LUC	208,0	
97	Tống Văn Bàn, Vũ Thị Hiền	Lạc Chính	210	7	LUC	995,9	
			359	7	LUC	581,2	
98	Tống Văn Bảo, Vũ Thị Thanh	Lạc Chính	52	7	LUC	630,5	
			71	7	LUC	577,3	
			346	7	LUC	377,3	

STT	Họ tên	Địa chỉ thửa đất (Tổ dân phố)	Số thửa đất	Tờ bản đồ ĐC	Loại đất dự kiến thu hồi	Diện tích thực hiện dự án (m2)	Ghi chú
			350	7	LUC	500,9	
99	Tống Văn Bằng, Trịnh Thị The	Lạc Chính	15	7	LUC	858,2	
			303	7	LUC	299,9	
100	Tống Văn Bích, Trần Thị Huệ	Lạc Chính	147	2	LUC	387,3	
101	Tống Văn Cúc, Hoàng Thị Tý (ông Cúc, bà Tý đã chết), hiện bà Tống Thị Nhài (con gái) đang sử dụng	Lạc Chính	477	7	HNK	396,9	
102	Tống Văn Trắc, Vũ Thị Cáy (ông Trắc, bà Cáy đã chết), bà Tống Thị Hạ (con gái) đang sử dụng	Lạc Chính	485	7	HNK	217,1	
103	Tống Văn Chử, Mai Thị Thêu	Lạc Chính	141	7	LUC	444,2	
			409	7	HNK	212,8	
104	Tống Văn Chương, Trần Thị Huế	Lạc Chính	319	7	LUC	312,5	
105	Tống Văn Rục, Trịnh Thị Hằng (ông Rục, bà Hằng đã chết), ông Tống Ngọc Duy (cháu nội) đang sử dụng	Lạc Chính	342	7	LUC	496,7	
			475	7	HNK	78,4	
106	Tống Văn Đảm (đã chết), vợ Nguyễn Thị Tý đang sử dụng	Lạc Chính	355	7	LUC	446,6	
			411	7	HNK	901,5	
107	Tống Văn Điệp, Phạm Thị Gái	Lạc Chính	91	7	HNK	535,2	
			508	7	HNK	168,0	
			371	7	NKH	737,0	
108	Tống Văn Hải, Đặng Thị Nhu	Lạc Chính	95	2	LUC	1.030,4	
			140	7	LUC	779,2	
			438	7	HNK	371,9	
109	Tống Văn Hạnh, Lê Thị Oanh	Lạc Chính	136	7	LUC	484,2	
110	Tống Văn Hanh, Vũ Thị Sắc	Lạc Chính	86	7	LUC	661,7	
			151	7	LUC	619,7	
111	Tống Văn Hân, Trịnh Thị Rậu (ông Hân, bà Rậu đã chết), hiện bà Tống Thị Lịch (con gái) đang sử dụng	Lạc Chính	396	7	HNK	396,2	
			853	7	HNK	114,5	
112	Tống Văn Hiển, Lê Thị Nhàn	Lạc Chính	45	7	LUC	578,4	
			150	7	LUC	429,8	
113	Tống Văn Hoà, Nguyễn Thị Bích Liên	Lạc Chính	51	7	LUC	629,9	
114	Tống Văn Hợp, Hoàng Thị Kim Anh (ông Hợp đã chết), bà Hoàng Thị Kim Anh đang sử dụng	Lạc Chính	50	7	LUC	1.232,7	
115	Tống Văn Hùng, Trần Thị Hương	Lạc Chính	160	7	LUC	549,7	
			391	7	LUC	300,7	
			389	7	LUC	241,2	
116	Tống Văn Huy, Nguyễn Thị Loan	Lạc Chính	487	7	HNK	72,6	
117	Tống Văn Huynh, Lại Thị Hà (ông Huynh đã chết), bà Lại Thị Hà đang sử dụng	Lạc Chính	246	7	LUC	1.236,0	
118	Phạm Thị Len	Lạc Chính	104	7	LUC	776,4	
			327	7	LUC	704,8	
			399	7	HNK	231,0	
119	Tống Văn Khuy, Nguyễn Thị Gấm	Lạc Chính	92	2	LUC	432,5	
			486	7	HNK	40,0	

STT	Họ tên	Địa chỉ thửa đất (Tổ dân phố)	Số thửa đất	Tờ bản đồ ĐC	Loại đất dự kiến thu hồi	Diện tích thực hiện dự án (m2)	Ghi chú
120	Tống Văn Nhu, Ngô Thị Thìn	Lạc Chính	343	7	LUC	95,6	
		Lạc Chính	474	7	HNK	52,6	
121	Tống Văn Nhuận, Nguyễn Thị Sâm (ông Nhuận đã chết), bà Nguyễn Thị Sâm đang sử dụng	Lạc Chính	79	7	LUC	1.448,9	
	Tống Văn Nhuận, Nguyễn Thị Sâm (ông Nhuận đã chết), bà Nguyễn Thị Sâm đang sử dụng + Tống Văn Rụ, Nguyễn Thị Chung (ông Rụ, bà Chung đã chết), hiện bà Tống Thị Thuy (con gái) đang sử dụng		364	7	LUC	977,3	
122	Tống Văn Rụ, Nguyễn Thị Chung (ông Rụ, bà Chung đã chết), hiện bà Tống Thị Thuy (con gái) đang sử dụng	Lạc Chính	431	7	LUC	317,9	
123	Tống Văn Phúc, Phạm Thị Toàn	Lạc Chính	101	7	LUC	906,8	
			462	7	HNK	220,3	
			463	7	HNK	242,2	
	Tống Văn Phúc, Phạm Thị Toàn + Trương Thị Chũn (bà Chũn đã chết), ông Tống Văn Mạnh (cháu nội) đang sử dụng	Lạc Chính	167	7	LUC	1.342,0	
124	Trương Thị Chũn (đã chết), hiện ông Tống Văn Mạnh (cháu nội) đang sử dụng	Lạc Chính	149	7	LUC	326,9	
			494	7	HNK	156,5	
125	Tống Văn Soạn, Trần Thị Khương	Lạc Chính	105	7	LUC	676,9	
126	Tống Văn Sơn, Lại Thị Giảng	Lạc Chính	231	7	LUC	271,7	
			321	7	LUC	397,3	
127	Tống Văn Tăng, Nguyễn Thị Tý	Lạc Chính	17	7	LUC	1.094,2	
			135	7	LUC	722,6	
			484	7	HNK	232,2	
128	Tống Văn Tuệ, Trần Thị Lý	Lạc Chính	171	7	LUC	361,4	
			329	7	LUC	314,9	
			408	7	HNK	122,4	
			435	7	HNK	193,5	
129	Tống Văn Tuế, Trịnh Thị Quyên	Lạc Chính	213	7	LUC	858,3	
			330	7	LUC	254,2	
			436	7	HNK	239,4	
130	Tống Văn Tuý, Nguyễn Thị Hiên (ông Túy, bà Hiên đã chết), hiện ông Tống Văn Tuệ (con trai) đang sử dụng	Lạc Chính	144	7	LUC	376,4	
			328	7	LUC	117,7	
131	Tống Thị Lịch	Lạc Chính	852	7	HNK	375,7	
132	Lại Đức Bình, Vũ Thị Nụ	Lạc Chính	152	2	LUC	363,7	
			316	7	LUC	1.340,0	
133	Lại Đức Bình, Vũ Thị Nụ + Phan Văn Phượng, Nguyễn Thị Thái (bà Thái đã chết), ông Phan Văn Phượng đang sử dụng	Lạc Chính	855	7	LUC	1.256,2	
134	Trịnh Văn Hưng, Tống Thị Chuyên	Lạc Chính	142	7	LUC	920,7	
			331	7	LUC	757,2	
			240	7	LUC	240,9	
135	Trịnh Văn Hưng, Tống Thị Chuyên + Tống Văn Tuyền, Nguyễn Thị Hải Đường	Lạc Chính	5	7	LUC	609,4	

STT	Họ tên	Địa chỉ thửa đất (Tổ dân phố)	Số thửa đất	Tờ bản đồ ĐC	Loại đất dự kiến thu hồi	Diện tích thực hiện dự án (m2)	Ghi chú
136	Tống Văn Tuyền, Nguyễn Thị Hải Đường	Lạc Chính	856	7	NKH	1.476,1	
			857	7	NTS	179,4	
137	Tống Văn Tuyền, Nguyễn Thị Hải Đường + Tống Thị Liên, Nguyễn Văn Chức (Chết) + Trần Đình Nhu, Tống Thị Duyên	Lạc Chính	146	2	LUC	653,3	
138	Trần Đình Nhu, Tống Thị Duyên	Lạc Chính	53	7	LUC	268,7	
			80	7	LUC	353,8	
139	Tống Văn Tứ, Cao Thị Thu	Lạc Chính	98	7	LUC	847,6	
			102	7	LUC	443,8	
			437	7	HNK	388,5	
140	Tống Văn Tưng, Phan Thị Chiêm (ông Tưng, bà Chiêm đã chết), hiện ông Tống Văn Sang (con trai) đang sử dụng	Lạc Chính	287	2	LUC	407,6	
141	Tống Văn Sang, Nguyễn Thị Loan		148	2	LUC	654,5	
142	Tống Văn Thân, Mai Thị Huệ	Lạc Chính	219	7	LUC	523,0	
143	Tống Văn Thi, Đặng Thị Thơm (ông Thi đã chết), bà Đặng Thị Thơm đang sử dụng	Lạc Chính	216	7	LUC	1.352,6	
			234	7	LUC	387,1	
144	Tống Văn Thiệu, Phạm Thị Tươi	Lạc Chính	18	7	LUC	555,4	
			134	7	LUC	394,2	
145	Tống Văn Thinh, Vũ Thị Thêm	Lạc Chính	160	2	LUC	702,6	
			302	7	LUC	327,5	
146	Tống Văn Thuần, Nguyễn Thị Nguyệt	Lạc Chính	8	7	LUC	1.791,0	
			480	7	HNK	203,9	
147	Tống Văn Thuỷ, Nguyễn Thị Ngát	Lạc Chính	351	7	LUC	549,2	
			369	7	LUC	510,3	
148	Tống Văn Trà, Hoàng Thị Hạ	Lạc Chính	397	7	HNK	284,4	
			103	7	LUC	290,9	
149	Tống Văn Xứng, Hoàng Thị Huê	Lạc Chính	401	7	HNK	419,2	
			404	7	LUC	1.228,3	
150	Trần Đình Biên, Tống Thị Lý	Lạc Chính	154	7	LUC	1.068,0	
			345	7	LUC	633,0	
			423	7	HNK	439,5	
151	Trần Đình Bình, Tống Thị An	Lạc Chính	94	2	LUC	1.137,6	
			209	7	LUC	1.045,9	
152	Trần Đình Chiến (đã chết), vợ Nguyễn Thị Tho đang sử dụng	Lạc Chính	153	7	LUC	668,2	
			362	7	LUC	709,9	
			3	22	ONT	181,8	
153	Trần Đình Dũng, Nguyễn Thị Gái (ông Dũng, bà Gái đã chết), ông Trần Đình Biên (con trai) đang sử dụng	Lạc Chính	860	7	HNK	263,7	
			861	7	NTS	513,4	
154	Trần Đình Điển, Lê Thị Nhụi (ông Điển đã chết), bà Lê Thị Nhụi đang sử dụng	Lạc Chính	488	7	HNK	152,9	
155	Trần Đình Hạt, Trịnh Thị Oanh	Lạc Chính	98	2	LUC	573,1	
156	Trần Đình Lâm, Lê Thị Bồng (bà Bồng đã chết), ông Trần Đình Lâm đang sử dụng	Lạc Chính	12	7	LUC	731,3	
		Lạc Chính	218	7	LUC	564,2	

STT	Họ tên	Địa chỉ thửa đất (Tổ dân phố)	Số thửa đất	Tờ bản đồ ĐC	Loại đất dự kiến thu hồi	Diện tích thực hiện dự án (m2)	Ghi chú
157	Trần Đình Lân, Lê Thị Mợi	Lạc Chính	156	2	LUC	867,9	
			175	7	LUC	503,1	
			410	7	HNK	319,4	
			18	22	ONT+CLN	119,9	
158	Trần Đình Mến, Phan Thị Dung	Lạc Chính	99	7	LUC	532,2	
			165	7	LUC	327,9	
159	Trần Đình Minh, Phạm Thị Tươi	Lạc Chính	237	7	LUC	119,5	
			323	7	LUC	524,5	
			50	22	ONT+CLN	82,9	
160	Trần Đình Minh, Phạm Thị Tươi 509,4 + Trần Đình Phương, Phan Thị Thanh 360,0	Lạc Chính	233	7	LUC	869,4	
161	Trần Đình Phương, Phan Thị Thanh	Lạc Chính	243	7	LUC	378,1	
162	Trịnh Văn Đàn, Trịnh Thị Bé	Lạc Chính	854	7	LUC	356,4	
163	Trần Thị Sâm, Tống Văn Ngư (ông Ngư đã chết), bà Trần Thị Sâm đang sử dụng	Lạc Chính	239	7	LUC	459,0	
		Lạc Chính	42	7	LUC	594,6	
164	Trần Đình Phòng, Vũ Thị Lý	Lạc Chính	207	7	LUC	512,3	
			251	7	LUC	368,8	
165	Trần Đình Phượng, Tống Thị Nụ	Lạc Chính	317	7	LUC	416,0	
			337	7	LUC	845,9	
			353	7	LUC	313,7	
166	Phạm Thị Thái	Lạc Chính	99	2	LUC	443,9	
167	Trần Đình Quý, Mai Thị Hà	Lạc Chính	16	7	LUC	395,5	
			113	7	LUC	305,7	
168	Trần Đình Ru, Phan Thị Thoả (ông Ru, bà Thỏa đã chết), hiện Trần Đình Tắc (con trai) đang sử dụng	Lạc Chính	36	7	LUC	575,5	
			114	7	LUC	505,5	
169	Trần Đình Sơn, Trịnh Thị Huệ	Lạc Chính	43	7	LUC	811,4	
			217	7	LUC	628,3	
			48	22	ONT+CLN	79,0	
170	Trần Đình Tắc, Trịnh Thị Kim Loan	Lạc Chính	37	7	LUC	575,1	
			115	7	LUC	530,8	
171	Trần Đình Tuấn, Phan Thị Thay + Trần Đình Các, Phan Thị Mứt (ông Các, bà Mứt đã chết), ông Trần Đình Tuấn (con trai hộ NN riêng) đang sử dụng	Lạc Chính	405	7	HNK	1.468,9	
172	Trần Đình Thắng, Lê Thị Chuyên	Lạc Chính	150	2	LUC	597,2	
			252	7	LUC	535,5	
173	Trần Đình Thông, Tống Thị Xuân	Lạc Chính	245	7	LUC	760,3	
174	Trần Đức Mạnh, Nguyễn Thị Thu	Lạc Chính	148	7	LUC	1.134,9	
			166	7	LUC	757,0	
175	Trần Mạnh Hùng, Phạm Thị Nụ	Lạc Chính	215	7	LUC	242,5	
176	Trần Quốc Tuệ, Nguyễn Thị Tong (ông Tuệ đã chết), bà Nguyễn Thị Tong đang sử dụng	Lạc Chính	163	2	LUC	1.394,0	

STT	Họ tên	Địa chỉ thửa đất (Tổ dân phố)	Số thửa đất	Tờ bản đồ ĐC	Loại đất dự kiến thu hồi	Diện tích thực hiện dự án (m2)	Ghi chú
177	Trần Thị Cài (Kính)	Lạc Chính	357	7	HNK	177,4	
178	Trần Thị Cài (Kính) + Nguyễn Thị Nhân (đã chết), hiện bà Trần ánh Ngọc (cháu nội) đang sử dụng	Lạc Chính	247	7	LUC	803,1	
179	Trần Thị Hiên (Cam)	Lạc Chính	214	2	LUC	168,1	
			215	2	LUC	418,1	
			496	7	HNK	242,2	
			137	7	LUC	439,1	
180	Trần Thị Ngân	Lạc Chính	318	7	LUC	679,7	
			338	7	LUC	465,3	
181	Trần Văn Thuỷ, Tống Thị Vân	Lạc Chính	400	7	HNK	103,5	
182	Trịnh Minh Hiến, Nguyễn Thị Hường	Lạc Chính	38	7	LUC	773,1	
			116	7	LUC	325,6	
			117	7	LUC	392,8	
			156	7	LUC	344,6	
			498	7	HNK	211,6	
183	Trịnh Thị Khuyên	Lạc Chính	169	7	LUC	345,0	
184	Trịnh Thị Tỵ	Lạc Chính	93	2	LUC	641,7	
185	Trịnh Trung Đông, Nguyễn Thị Dệt	Lạc Chính	95	7	HNK	499,8	
186	Trịnh Trung Đông	Lạc Chính	69	7	LUC	261,5	
			73	7	LUC	251,4	
187	Trịnh Trung Hưởng, Đặng Thị Thịnh (ông Hưởng, bà Thịnh đã chết), ông Trịnh Trung Kiên (tức Quang) (con trai) đang sử dụng	Lạc Chính	170	7	LUC	577,1	
188	Trịnh Trương Dương, Nguyễn Thị Lục	Lạc Chính	149	2	LUC	594,5	
			249	7	LUC	649,2	
189	Trịnh Văn Chư, Nguyễn Thị Kim Cúc (ông Chư đã chết), bà Nguyễn Thị Kim Cúc đang sử dụng	Lạc Chính	395	7	HNK	1.437,4	
190	Trịnh Văn Diện, Tống Thị Lượn	Lạc Chính	168	7	LUC	452,7	
			220	7	LUC	262,6	
191	Trịnh Văn Đạo (đã chết), vợ Bùi Thị Vui đang sử dụng	Lạc Chính	68	7	LUC	798,8	
			72	7	LUC	1.148,4	
			478	7	HNK	161,2	
192	Trịnh Văn Thêm, Hoàng Thị Chắn (ông Thêm đã chết), bà Hoàng Thị Chắn đang sử dụng	Lạc Chính	70	7	LUC	828,8	
193	Trịnh Văn Thêm, Hoàng Thị Chắn (ông Thêm đã chết), bà Hoàng Thị Chắn đang sử dụng + Trịnh Văn Hợi, Lại Thị Tỳ (ông Hợi, bà Tỳ đã chết) hiên bà Trịnh Thị Bé (con gái hộ NN riêng) đang sử dụng	Lạc Chính	75	7	LUC	1.063,9	
194	Trịnh Xuân Đạt, Nguyễn Thị Hồng (ông Đạt đã chết), bà Nguyễn Thị Hồng đang sử dụng + Trịnh Văn Hợi, Lại Thị Tỳ (ông Hợi, bà Tỳ đã chết) hiên bà Trịnh Thị Bé (con gái) đang sử dụng	Lạc Chính	500	7	HNK	507,1	
195	Trịnh Xuân Đạt, Nguyễn Thị Hồng (ông Đạt đã chết), bà Nguyễn Thị Hồng đang sử dụng	Lạc Chính	87	2	LUC	358,6	
		Lạc Chính	88	2	LUC	1.398,1	

STT	Họ tên	Địa chỉ thửa đất (Tổ dân phố)	Số thửa đất	Tờ bản đồ ĐC	Loại đất dự kiến thu hồi	Diện tích thực hiện dự án (m2)	Ghi chú
196	Trịnh Văn Khanh, Tống Thị Nguyệt	Lạc Chính	216	2	LUC	576,0	
197	Trịnh Văn Liệu, Trần Thị Xuyến	Lạc Chính	502	7	HNK	238,5	
198	Trịnh Văn Loan, Tống Thị Vui	Lạc Chính	236	7	LUC	338,4	
			324	7	LUC	713,1	
199	Trịnh Văn Phái, Mai Thị Thuỷ (ông Phái đã chết), bà Mai Thị Thuỷ đang sử dụng	Lạc Chính	476	7	HNK	108,8	
200	Tống Thị Lụa (Thành)	Lạc Chính	74	7	LUC	101,5	
			344	7	LUC	572,5	
			495	7	HNK	134,0	
201	Trịnh Văn Đán, Phạm Thị Ngoan (bà Ngoan đã chết), ông Trịnh Văn Đán đang sử dụng	Lạc Chính	3	7	LUC	853,2	
202	Trịnh Xuân Đoàn, Lê Thị Lý	Lạc Chính	89	2	LUC	372,2	
			499	7	HNK	274,2	
203	Trịnh Xuân Giảng, Mai Thị Thụy	Lạc Chính	214	7	LUC	653,8	
			489	7	HNK	134,5	
204	Tống Văn Giang, Lê Thị Thuần + Trịnh Xuân Giảng, Mai Thị Thụy	Lạc Chính	241	7	LUC	881,7	
205	Trịnh Xuân Việt, Trịnh Thị Sửu	Lạc Chính	235	7	LUC	274,4	
			325	7	LUC	716,2	
206	Phạm Văn Thức, Trương Thị Tho (ông Thức đã chết), bà Trương Thị Tho đang sử dụng	Lạc Chính	146	7	LUC	834,5	
207	Tống Văn Bách + Lê Thị Miên + Tống Thị Thanh Mai	Lạc Chính	158	2	LUC	538,5	
208	Trịnh Trung Lực, Nguyễn Thị Lụa + Trịnh Văn Vận, Nguyễn Thị Hái (ông Vận, bà Hái đã chết), hiện ông Trịnh Trung Lực (con trai hộ NN riêng) đang sử dụng	Lạc Chính	6	7	LUC	621,6	
209	Tống Văn Tuyên, Phan Thị Ngân	Lạc Chính	368	7	NKH	568,1	
			382	7	NTS	1.133,6	
			47	22	ONT+CLN	73,4	
210	Trịnh Văn Trì, Tống Thị Cải (ông Trì đã chết), bà Tống Thị Cải đang sử dụng	Lạc Chính	143	7	LUC	775,9	
			40	7	LUC	1.010,2	
211	Trần Đình Khánh, Phan Thị May	Lạc Chính	339	7	LUC	608,1	
			7	7	LUC	788,4	
212	Lại Đức Thắng, Phạm Thị Thục	Lạc Chính	332	7	LUC	993,4	
213	Bùi Thị Thanh	Lạc Chính	392	7	LUC	750,3	
214	Nguyễn Đình Đoan (con trai Nguyễn An Vinh) và những người có liên quan)	Lạc Chính	466	7	HNK	1.414,0	
215	Nhâm Văn Đăng	Lạc Chính	381	7	NTS	1.360,2	

STT	Họ tên	Địa chỉ thửa đất (Tổ dân phố)	Số thửa đất	Tờ bản đồ ĐC	Loại đất dự kiến thu hồi	Diện tích thực hiện dự án (m2)	Ghi chú
216	Ông Đinh Hồng Quang, bà Nguyễn Thị Yến đang sử dụng. Đất có nguồn gốc ông Nguyễn Dương Quân, bà Nguyễn Thị Thu Hương nhận chuyển nhượng của hộ ông Trần Đình Huệ, bà Nguyễn Thị Bấm; hộ ông Phạm Mạnh Hùng, bà Nguyễn Thị Giang; hộ ông Tống Văn An, bà Trần Thị Lựu, hiện đang tranh chấp	Lạc Chính	864	7	NTS	4.751,4	
217	Ông Đinh Hồng Quang, bà Nguyễn Thị Yến đang sử dụng. Đất có nguồn gốc ông Nguyễn Dương Quân, bà Nguyễn Thị Thu Hương nhận chuyển nhượng của hộ ông Tống Văn Khoa, bà Nguyễn Thị Lan (ông Khoa, bà Lan đã chết); hộ ông Tống Văn Giang, bà Lê Thị Thuần; hộ ông Trần Đình Phương, bà Lê Thị Hồng; hộ ông Lê Văn Khôi, Trần Thị Mận; hộ ông Trần Đình Ánh, Nguyễn Thị Nga (ông Ánh đã chết), bà Nguyễn Thị Nga; hộ ông Trịnh Văn Vận, Nguyễn Thị Hái (ông Vận, bà Hái đã chết); hộ ông Trịnh Trung Đông, Nguyễn Thị Dệt; hộ ông Trịnh Trung Lực, Nguyễn Thị Lụa; hộ bà Hoàng Thị Bưởi; hộ ông Lại Xuân Hộ, Trịnh Thị Chúc (ông Hộ bà Chúc đã chết); hộ ông Lại Xuân Bẩy, Trần Thị Tám; hộ bà Tống Thị Nhuân; hộ ông Tống Văn Cúc, Hoàng Thị Tý (ông Cúc, bà Tý đã chết); hộ ông Tống Mạnh Hồng, Phạm Thị Hương; hộ ông Tống Văn Khuy, Nguyễn Thị Gấm; hộ ông Trịnh Văn Phái (đã chết), Mai Thị Thuỷ; hộ ông Tống Văn Soạn, Trần Thị Khương; hộ ông Tống Văn Chử, Mai Thị Thêu; hộ ông Trần Đình Thông, Tống Thị Xuân; hộ ông Cao Văn Lãng, Lê Thị Hiên; hộ ông Tống Văn Hòa, Nguyễn Thị Bích Liên; hộ bà Phan Thị Gái; hộ bà Nguyễn Thị Hồng; hộ ông Nguyễn Công Quyền, Trịnh Thị Tình (ông Quyền, bà Tình đã chết); hộ ông Nguyễn Thế Chức, Trần Thị Vần (ông Chức, bà Vần đã chết); hộ ông Nguyễn Thế Quân, Phạm Thị Len, hiện đang tranh chấp	Lạc Chính	865	7	NKH	14.482,9	
218	Tô Văn Toàn, Đỗ Thị Lết	Lạc Chính	46	22	ONT+CLN	176,5	
219	Trần Đình Điều, Đoàn Thị Huệ	Lạc Chính	2	22	ONT	69,3	
220	Trần Ngọc Sơn, Đặng Thị Mai	Lạc Chính	52	22	ONT+CLN	0,2	
221	Trần Văn Niêm, Vũ Thị Nga	Lạc Chính	1	22	ONT+CLN	152,4	
222	Nguyễn Quý Minh, Trương Thị Quyền	Tiên Sơn	485	19	ONT	60,3	
223	Thiệu Kim Lộng, Tạ Thị Hòa	Tiên Sơn	486	19	ONT	60,3	
224	Bùi Đình Viễn, Phan Thị Di (ông Viễn, bà Di đã chết), hiện ông Bùi Đức Đông (con trai) đang sử dụng	Tiên Sơn	118	2	LUC	929,9	
225	Bùi Văn Mùi	Tiên Sơn	19	19	ONT	29,1	
226	Đào Văn Mới, Nguyễn Thị Giữa (ông Mới đã chết), bà Nguyễn Thị Giữa đang sử dụng	Tiên Sơn	109	3	LUC	596,7	
			110	3	LUC	480,6	
227	Đào Nguyên Lực, Phạm Thị Hoà	Tiên Sơn	88	3	LUC	619,0	
			14	18	ONT	86,2	
228	Đào Thị Tâm	Tiên Sơn	27	19	ONT	67,0	
			427	19	ONT	47,2	
229	Đặng Văn Sự, Bùi Thị Luyên	Tiên Sơn	492	19	ONT	48,6	
230	Đỗ Văn Kiên, Đặng Thị Nga	Tiên Sơn	491	19	ONT	47,1	

STT	Họ tên	Địa chỉ thửa đất (Tổ dân phố)	Số thửa đất	Tờ bản đồ ĐC	Loại đất dự kiến thu hồi	Diện tích thực hiện dự án (m2)	Ghi chú
231	Hà Minh Chí, Phan Thị Phương (ông Chí đã chết), bà Phan Thị Phương (Chuông) đang sử dụngg	Tiên Sơn	190	2	LUC	343,3	
			191	2	LUC	217,7	
	Hà Minh Chí, Phan Thị Phương (ông Chí đã chết), bà Phan Thị Phương (Chuông) đang sử dụng + Phan Văn Quý, Trịnh Thị Thêm		193	2	LUC	259,3	
232	Phan Văn Quý, Trịnh Thị Thêm	Tiên Sơn	243	2	LUC	63,8	
233	Hoàng Văn Dư, Trần Thị Chiến	Tiên Sơn	43	8	LUC	532,3	
			40	2	LUC	430,7	
			42	8	LUC	883,5	
234	Hoàng Văn Đông, Hồ Thị Dung + Nguyễn Thế Chiến, Nguyễn Thị Nhàn 50,0m2	Tiên Sơn	237	19	ONT	98,0	
235	Lại Đức Hải, Phạm Thị Tuyết	Tiên Sơn	65	3	LUC	455,6	
			35	2	LUC	1.051,1	
236	Lại Đức Mạnh, Lê Thị Mai	Tiên Sơn	33	18	ONT	2,0	
237	Lại Đức Tín, Nguyễn Thị Mão	Tiên Sơn	22	3	LUC	597,8	
238	Lại Đức Thêm, Nguyễn Thị Thuỵ	Tiên Sơn	115	3	LUC	338,8	
			116	3	LUC	778,8	
			118	3	LUC	511,9	
239	Lại Đức Trường, Phan Thị út	Tiên Sơn	45	2	NKH	327,3	
			46	2	NTS	849,4	
240	Tống Xuân Trường, Mai Thị Liễu (ông Trường đã chết), bà Mai Thị Liễu đang sử dụng	Tiên Sơn	241	19	ONT	14,9	
			84	2	LUC	1.531,0	
241	Nguyễn Công Cồn, Phan Thị Nghĩa (ông Cồn, bà Nghĩa đã chết), hiện ông Nguyễn Công Ngân (con trai) đang sử dụng	Tiên Sơn	112	3	LUC	534,9	
242	Nguyễn Công Dũng	Tiên Sơn	363	19	ONT	0,4	
243	Nguyễn Công Ngân, Trịnh Thị Nhàn	Tiên Sơn	14	8	LUC	713,3	
			42	2	LUC	639,0	
			4	22	ONT	51,4	
244	Nguyễn Công Sao, Phan Thị Cậy	Tiên Sơn	8	2	LUC	567,2	
			27	3	LUC	1.520,4	
			364	19	ONT	22,5	
245	Nguyễn Công Tấn, Nguyễn Thị Tình (ông Tấn đã chết), bà Nguyễn Thị Tình đang sử dụng	Tiên Sơn	113	3	LUC	581,7	
			114	3	LUC	410,2	
			365	19	ONT	75,8	
246	Nguyễn Công Tuệ, Phan Thị Lụa	Tiên Sơn	45	3	LUC	1.140,3	
			146	3	LUC	556,1	
247	Nguyễn Công Thái, Trần Thị Hương	Tiên Sơn	24	3	LUC	617,9	
			25	3	LUC	650,4	
248	Nguyễn Công Thành, Nguyễn Thị Thơm	Tiên Sơn	1	2	LUC	960,0	
			18	8	LUC	821,8	
249	Nguyễn Công Thi + Phạm Thị Hoa	Tiên Sơn	3	2	NKH	530,6	
			4	2	NTS	863,8	
250	Nguyễn Công Thi	Tiên Sơn	28	8	LUC	516,7	
251	Nguyễn Duy Hợp, Phan Thị Anh	Tiên Sơn	505	19	ONT	74,7	

STT	Họ tên	Địa chỉ thửa đất (Tổ dân phố)	Số thửa đất	Tờ bản đồ ĐC	Loại đất dự kiến thu hồi	Diện tích thực hiện dự án (m2)	Ghi chú
252	Nguyễn Đình Hiển, Phạm Thị Hiền	Tiên Sơn	139	3	LUC	81,8	
253	Nguyễn Đình Khương, Phạm Thị Liễu	Tiên Sơn	29	3	LUC	187,4	
			48	3	LUC	895,5	
254	Nguyễn Đình Mức, Vũ Thị Dứ	Tiên Sơn	141	3	LUC	1.133,9	
255	Nguyễn Đình Mừng	Tiên Sơn	127	3	LUC	665,5	
			144	3	NKH	1.139,6	
			10	3	LUC	334,5	
256	Nguyễn Đình Quân, Nguyễn Thị Quyết	Tiên Sơn	140	3	LUC	613,5	
257	Nguyễn Đình Tuấn, Nguyễn Thị Mới	Tiên Sơn	94	3	LUC	1.197,6	
258	Nguyễn Hữu Bường, Nguyễn Thị Báu	Tiên Sơn	51	2	LUC	678,5	
259	Nguyễn Hữu Cay, Phan Thị Lan (ông Cay đã chết), bà Phan Thị Lan đang sử dụng	Tiên Sơn	97	3	LUC	885,5	
			236	19	ONT	10,0	
260	Nguyễn Hữu Hải, Nguyễn Thị Chất	Tiên Sơn	49	2	LUC	352,8	
261	Nguyễn Hữu Quân, Nguyễn Thị Tỵ (ông Quân đã chết), bà Nguyễn Thị Tỵ đang sử dụng	Tiên Sơn	36	3	LUC	1.721,3	
262	Nguyễn Hữu Thắng, Phan Thị Nhẫn (bà Nhẫn đã chết), ông Nguyễn Hữu Thắng đang sử dụng	Tiên Sơn	85	2	LUC	300,6	
			100	2	LUC	836,7	
			101	2	LUC	299,0	
263	Nguyễn Hữu Thềm, Lại Thị Hoa	Tiên Sơn	41	3	LUC	637,7	
264	Nguyễn Ngọc Đồng, Nguyễn Thị Nhàn	Tiên Sơn	77	3	LUC	135,7	
265	Nguyễn Ngọc Hiệp, Trần Thị Thuỷ	Tiên Sơn	32	2	LUC	648,9	
266	Nguyễn Công Lượng, Nguyễn Thị Huế	Tiên Sơn	32	3	LUC	332,9	
267	Phan Văn Hẹn, Lại Thị Mỳ	Tiên Sơn	31	3	LUC	420,4	
			30	3	LUC	854,7	
268	Nguyễn Ngọc Lựu, Phan Thị Chuyên (bà Chuyên đã chết), ông Nguyễn Ngọc Lựu đang sử dụng	Tiên Sơn	135	3	LUC	423,1	
			136	3	LUC	772,3	
			137	3	LUC	176,7	
269	Nguyễn Ngọc Thai, Nguyễn Thị Nhung	Tiên Sơn	100	3	LUC	1.420,0	
			17	8	LUC	107,5	
270	guyễn Ngọc Vinh, Phan Thị Chuyên	Tiên Sơn	75	3	LUC	30,8	
271	Nguyễn Thế Cường, Phạm Thị Đoá	Tiên Sơn	57	3	LUC	496,0	
			58	3	LUC	637,7	
272	Nguyễn Thế Cửu, Phan Thị Phương	Tiên Sơn	91	3	LUC	826,8	
273	Nguyễn Thế Dũng, Đoàn Thị Tấm (ông Dũng đã chết), bà Đoàn Thị Tấm đang sử dụng	Tiên Sơn	46	3	LUC	999,0	
			54	2	LUC	1.271,6	
274	Nguyễn Thế Điển, Nguyễn Thị Xuân	Tiên Sơn	121	3	LUC	785,3	
			133	3	LUC	92,0	
275	Nguyễn Thế Hội, Phạm Thị Nhanh	Tiên Sơn	72	3	LUC	50,0	
276	Nguyễn Thế Lập, Nguyễn Thị Phinh (ông Lập đã chết), bà Nguyễn Thị Phinh đang sử dụng	Tiên Sơn	59	3	LUC	1.129,6	
277	Nguyễn Thế Mến, Phạm Thị Hiền	Tiên Sơn	11	2	LUC	857,0	
			7	3	LUC	81,0	
			28	19	ONT	110,0	

STT	Họ tên	Địa chỉ thửa đất (Tổ dân phố)	Số thửa đất	Tờ bản đồ ĐC	Loại đất dự kiến thu hồi	Diện tích thực hiện dự án (m2)	Ghi chú
278	Nguyễn Thế Muôn, Lại Thị Rõ	Tiên Sơn	95	3	LUC	194,0	
			96	3	LUC	1.356,3	
279	Nguyễn Thế Ngãi, Nguyễn Thị Nhị	Tiên Sơn	117	3	LUC	66,5	
			138	3	LUC	1.418,4	
280	Nguyễn Thế Ngân, Nguyễn Thị Lan	Tiên Sơn	98	3	LUC	276,1	
			99	3	LUC	934,7	
			250	18	ONT	49,3	
281	Nguyễn Thế Phác, Nguyễn Thị Xô	Tiên Sơn	5	2	LUC	1.343,2	
282	Nguyễn Thế Rậu, Phan Thị Tươi	Tiên Sơn	37	3	LUC	1.565,2	
283	Nguyễn Thế Thanh, Phan Thị Nhàn	Tiên Sơn	21	3	LUC	1.026,4	
			120	3	LUC	355,8	
284	Nguyễn Thế Thơm, Đào Thị Lệ Thuỷ	Tiên Sơn	34	3	LUC	230,9	
			34	2	LUC	288,3	
285	Nguyễn Văn Thắng, Nguyễn Thị Hà (ông Thắng chết), bà Nguyễn Thị Hà đang sử dụng	Tiên Sơn	66	3	LUC	295,8	
286	Nguyễn Thị Hiên	Tiên Sơn	186	2	LUC	1.134,0	
287	Nguyễn Thị Lân	Tiên Sơn	504	19	ONT	86,1	
288	Nguyễn Thị Nam	Tiên Sơn	8	3	LUC	617,3	
289	Nguyễn Thị Nụ	Tiên Sơn	48	2	LUC	355,7	
290	Nguyễn Thị Ngát	Tiên Sơn	2	2	LUC	727,4	
			15	8	LUC	673,8	
291	Nguyễn Thị Nghiên (Trọng)	Tiên Sơn	53	3	LUC	552,4	
			54	3	LUC	579,2	
292	Nguyễn Thị Nhung	Tiên Sơn	16	3	LUC	361,5	
293	Nguyễn Thị Thiếc	Tiên Sơn	125	3	LUC	363,3	
			126	3	LUC	238,1	
294	Nguyễn Thị Thu	Tiên Sơn	19	3	LUC	349,9	
295	Nguyễn Thị Xô (Du)	Tiên Sơn	92	3	LUC	132,7	
			93	3	LUC	563,5	
296	Nguyễn Trường Giang + Trịnh Thị Thoa	Tiên Sơn	192	2	LUC	1.139,1	
297	Nguyễn Văn Hoà, Phan Thị Xuân (ông Hòa, bà Xuân đã chết), hiện ông Nguyễn Xuân Hải (con trai) đang sử dụng	Tiên Sơn	35	3	LUC	2.089,1	
298	Nguyễn Văn Hoan, Phạm Thị Nhung	Tiên Sơn	1	3	LUC	535,7	
			41	8	LUC	773,2	
299	Nguyễn Văn Kha, Nguyễn Thị Nga	Tiên Sơn	50	3	LUC	350,0	
			176	19	ONT	18,5	
300	Nguyễn Văn Luân, Phạm Thị Nhẫn	Tiên Sơn	44	2	LUC	964,8	
301	Nguyễn Văn Na, Trần Thị Miến	Tiên Sơn	63	3	LUC	1.134,6	
302	Nguyễn Văn Phượng, Vũ Thị Kiều Oanh	Tiên Sơn	9	2	LUC	716,6	
			69	2	LUC	1.084,7	
303	Nguyễn Văn Phúc, Nguyễn Thị Như Quỳnh	Tiên Sơn	152	3	LUC	482,3	
304	Nguyễn Văn Trường, Phạm Thị Lanh	Tiên Sơn	49	3	LUC	368,9	

STT	Họ tên	Địa chỉ thửa đất (Tổ dân phố)	Số thửa đất	Tờ bản đồ ĐC	Loại đất dự kiến thu hồi	Diện tích thực hiện dự án (m2)	Ghi chú
305	Nguyễn Xuân Biên, Hoàng Thị Phin	Tiên Sơn	12	3	LUC	396,9	
			56	3	LUC	1.138,5	
306	Nguyễn Thị Lớn (Bình)	Tiên Sơn	39	2	LUC	633,9	
307	Nguyễn Xuân Truyền, Nguyễn Thị Nhường	Tiên Sơn	117	2	LUC	1.247,3	
			149	3	LUC	1.233,7	
308	Nguyễn Xuân Duyên, Phan Thị Rộng	Tiên Sơn	189	2	LUC	111,4	
			76	3	LUC	606,3	
309	Nguyễn Xuân Dương, Phạm Thị Hiền	Tiên Sơn	68	2	LUC	994,6	
310	Nguyễn Xuân Đông, Phạm Thị Hồng	Tiên Sơn	142	3	LUC	788,6	
			143	3	LUC	408,7	
311	Nguyễn Xuân Hoà, Bùi Thị Quý	Tiên Sơn	108	3	LUC	847,9	
312	Nguyễn Xuân Huynh, Nguyễn Thị Bê	Tiên Sơn	50	2	LUC	888,4	
313	Nguyễn Xuân Huynh, Phan Thị Hoa	Tiên Sơn	119	2	LUC	466,3	
			151	3	LUC	50,9	
			44	8	LUC	771,2	
314	Nguyễn Xuân Kích, Nguyễn Thị Thà	Tiên Sơn	67	3	LUC	258,4	
			68	3	LUC	795,5	
315	Phạm Thị Nhị	Tiên Sơn	121	2	LUC	801,9	
316	Nguyễn Xuân Lực, Lại Thi Ngoan	Tiên Sơn	60	3	LUC	596,5	
317	Nguyễn Xuân Sử, Nguyễn Thị Đào (ông Sử đã chết), bà Nguyễn Thị Đào đang sử dụng	Tiên Sơn	2	18	ONT	16,0	
318	Nguyễn Xuân Tiến, Vũ Thị Nhưng (ông Tiến đã chết), bà Vũ Thị Nhưng đang sử dụng + Nguyễn Xuân Cớt, Nguyễn Thị Sàng (ông Cớt, bà Sàng đã chết), hiện ông Nguyễn Xuân Tuấn (con trai) đang sử dụng	Tiên Sơn	39	3	LUC	1.320,7	
319	Nguyễn Xuân Thêm, Phạm Thị Hứa	Tiên Sơn	185	2	LUC	617,5	
			147	3	LUC	710,9	
320	Phạm Ngọc Chắc, Lại Thị Chuyền (ông Chắc đã chết), bà Lại Thị Chuyền đang sử dụng	Tiên Sơn	107	3	LUC	1.132,2	
321	Phạm Ngọc Hưng, Nguyễn Thị Hảo	Tiên Sơn	111	3	LUC	960,2	
			16	8	LUC	64,6	
322	Phạm Như Lụa, Vũ Thị Yến (ông Lụa đã chết), bà Vũ Thị Yến đang sử dụng	Tiên Sơn	70	3	LUC	442,3	
			71	3	LUC	102,8	
323	Phạm Ngọc Lự, Phan Thị Dương Ninh	Tiên Sơn	120	2	LUC	771,2	
			47	3	LUC	664,9	
324	Phạm Ngọc Phi, Phan Thị Hiền	Tiên Sơn	26	3	LUC	1.275,7	
325	Phạm Ngọc Vinh, Nguyễn Thị Hường	Tiên Sơn	240	19	ONT	213,8	
326	Phạm Như Cẩm, Nguyễn Thị Mai	Tiên Sơn	101	3	LUC	259,3	
			102	3	LUC	1.266,6	
327	Phạm Như Cường, Nguyễn Thị Thảnh	Tiên Sơn	28	3	LUC	629,9	
			44	3	LUC	504,9	
			148	3	LUC	390,5	
			36	2	LUC	180,1	

STT	Họ tên	Địa chỉ thửa đất (Tổ dân phố)	Số thửa đất	Tờ bản đồ ĐC	Loại đất dự kiến thu hồi	Diện tích thực hiện dự án (m2)	Ghi chú
328	Phạm Như Dũng, Trần Thị Hằng	Tiên Sơn	20	3	LUC	614,7	
			366	19	ONT	84,4	
329	Phạm Như Giang, Phan Thị Lan	Tiên Sơn	69	3	LUC	1.138,3	
330	Phạm Như Hưng, Bùi Thị Hoà	Tiên Sơn	319	19	ONT	37,5	
			33	2	LUC	457,5	
331	Phạm Như Kiều, Nguyễn Thị Lụa	Tiên Sơn	9	3	LUC	911,6	
332	Phạm Như Rễ, Phan Thị Nhuần	Tiên Sơn	42	3	LUC	328,1	
			43	3	LUC	537,5	
333	Phạm Như Thọ, Hoàng Thị Thuỷ	Tiên Sơn	238	19	ONT	192,0	
334	Phạm Thị Hoa	Tiên Sơn	318	19	ONT	152,6	
335	Phạm Văn Bảo, Trương Thị Liên	Tiên Sơn	42	19	ONT	105,4	
336	Phan Văn Lễ, Nguyễn Thị Hồng	Tiên Sơn	48	18	ONT	0,4	
			73	2	LUC	1.337,6	
337	Phan Văn Lễ, Nguyễn Thị Hồng + Nguyễn Công Thế, Phan Thị Lan	Tiên Sơn	70	2	LUC	1.098,6	
338	Phạm Văn Sáu, Nguyễn Thị Cúc (ông Sáu đã chết), bà Nguyễn Thị Cúc đang sử dụng	Tiên Sơn	51	3	LUC	1.184,1	
339	Lê Quý Thích, Phan Thị Di	Tiên Sơn	87	3	LUC	1.465,8	
			368	19	ONT	93,1	
340	Phan Thị Sâm	Tiên Sơn	64	3	LUC	60,0	
			89	3	LUC	234,0	
			90	3	LUC	696,5	
341	Phan Thị Vui	Tiên Sơn	19	8	LUC	476,8	
342	Phan Văn An, Đỗ Thị Vân	Tiên Sơn	40	19	ONT	15,0	
343	Phan Văn Bừng, Mai Thị Phượng (Nguyệt)	Tiên Sơn	6	2	LUC	330,6	
			14	3	LUC	1.781,0	
344	Nguyễn Xuân Quyết, Nguyễn Thị Lan	Tiên Sơn	82	2	LUC	724,7	
345	Phan Văn Cường, Lâm Thị Hà	Tiên Sơn	83	2	LUC	442,2	
346	Phan Văn Chuyền, Tống Thị Thơm	Tiên Sơn	74	19	ONT	0,3	
347	Phan Văn Dương, Nguyễn Thị Hưng	Tiên Sơn	85	3	LUC	1.014,0	
			86	3	LUC	231,4	
			35	18	ONT	115,6	
348	Phan Văn Hảo, Lê Thị Chinh	Tiên Sơn	78	3	LUC	128,5	
			79	3	LUC	204,4	
349	Phan Văn Hồi, Nguyễn Thị Chính	Tiên Sơn	40	3	LUC	413,5	
			52	2	LUC	640,2	
350	Phan Văn Kế, Nguyễn Thị Cấp	Tiên Sơn	4	3	LUC	779,2	
			21	8	LUC	934,4	
351	Phan Văn Khiêm + Nguyễn Thị Thủy	Tiên Sơn	145	3	LUC	243,9	
			194	2	LUC	660,9	
352	Phan Văn Khước, Nguyễn Thị Bính	Tiên Sơn	188	2	LUC	655,7	
			62	3	LUC	787,6	

STT	Họ tên	Địa chỉ thửa đất (Tổ dân phố)	Số thửa đất	Tờ bản đồ ĐC	Loại đất dự kiến thu hồi	Diện tích thực hiện dự án (m2)	Ghi chú
353	Phan Văn Lại, Nguyễn Thị Tho	Tiên Sơn	132	3	LUC	446,6	
			150	3	LUC	1.055,2	
			20	8	LUC	182,6	
354	Phan Văn Lưỡng, Đào Thị Hoa (ông Lưỡng đã chết), bà Đào Thị Hoa đang sử dụng	Tiên Sơn	33	3	LUC	657,4	
355	Phan Văn May, Trần Thị Hồng (ông May đã chết), bà Trần Thị Hồng đang sử dụng	Tiên Sơn	103	3	LUC	1.137,7	
356	Phan Văn Ngư, Nguyễn Thị Là (ông Ngư đã chết), bà Nguyễn Thị Là đang sử dụng	Tiên Sơn	81	2	LUC	1.815,8	
			4	18	ONT	4,2	
357	Nguyễn Thị Là (Từng)	Tiên Sơn	106	3	LUC	848,7	
358	Phan Văn Quả, Đoàn Thị Thơm (bà Thơm đã chết), ông Phan Văn Quả đang sử dụng	Tiên Sơn	47	2	LUC	695,9	
359	Phan Văn Quê, Nguyễn Thị Thắm	Tiên Sơn	134	3	LUC	1.223,2	
360	Phan Văn Quốc, Vũ Thị Gái (bà Gái đã chết), ông Phan Văn Quốc đang sử dụng	Tiên Sơn	122	2	LUC	835,5	
			53	2	LUC	1.062,1	
361	Phan Văn Sơn, Phạm Thị Mây (ông Sơn đã chết), bà Phạm Thị Mây đang sử dụng	Tiên Sơn	82	3	LUC	117,3	
			83	3	LUC	406,9	
362	Phan Văn Sơn, Phạm Thị Mây (ông Sơn đã chết), bà Phạm Thị Mây đang sử dụng + Phan Văn Cháy, Nguyễn Thị Thoa (bà Thoa đã chết), ông Phan Văn Cháy đang sử dụng	Tiên Sơn	81	3	LUC	303,7	
	Phan Văn Cháy, Nguyễn Thị Thoa (bà Thoa đã chết), ông Phan Văn Cháy đang sử dụng		80	3	LUC	173,0	
363	Phạm Thị Nhài (bà Nhài đã chết), ông Phan Chí Thiện (con trai) đang sử dụng	Tiên Sơn	119	3	LUC	769,3	
364	Phan Văn Tiến, Đoàn Thị Hoa	Tiên Sơn	5	3	LUC	594,6	
			22	8	LUC	750,6	
			239	19	ONT	210,2	
365	Phan Văn Tho, Nguyễn Thị Chen	Tiên Sơn	2	3	LUC	778,4	
			23	8	LUC	60,0	
			39	8	LUC	836,2	
366	Phan Văn Thuỵ	Tiên Sơn	6	3	LUC	427,2	
367	Phan Văn Thuyên, Nguyễn Thị Nhẫn	Tiên Sơn	3	3	LUC	782,6	
			40	8	LUC	910,6	
368	Phan Văn Thừng, Lại Thị Chuyên	Tiên Sơn	128	3	LUC	847,3	
369	Phan Văn ức, Nguyễn Thị Nhuận	Tiên Sơn	123	3	LUC	92,2	
			124	3	LUC	992,1	
370	Phan Văn Vinh, Bùi Thị Phượng	Tiên Sơn	122	3	LUC	581,1	
371	Phan Văn Vinh, Nguyễn Thị Bồn	Tiên Sơn	18	3	LUC	1.720,8	
372	Phan Văn Vụ, Nguyễn Thị Tho (ông Vụ đã chết), bà Nguyễn Thị Tho đang sử dụng	Tiên Sơn	187	2	LUC	886,8	
			61	3	LUC	426,0	
373	Nguyễn Thị Hồng	Tiên Sơn	23	3	LUC	841,0	

STT	Họ tên	Địa chỉ thửa đất (Tổ dân phố)	Số thửa đất	Tờ bản đồ ĐC	Loại đất dự kiến thu hồi	Diện tích thực hiện dự án (m2)	Ghi chú
374	Phan Văn Xuân, Nguyễn Thị Cốm (Nguyệt)	Tiên Sơn	10	2	LUC	1.252,6	
375	Tống Thị Tươi	Tiên Sơn	367	19	ONT	88,3	
376	Tống Văn Quảng, Nguyễn Thị Hồng	Tiên Sơn	17	3	LUC	857,7	
377	Tống Văn Tuyền, Trần Thị Hoa	Tiên Sơn	7	2	LUC	1.236,9	
378	Trần Đình Rư, Lại Thị Lụa (ông Rư đã chết), bà Lại Thị Lụa đang sử dụng	Tiên Sơn	41	2	LUC	576,5	
379	Trần Đình Tụ, Tống Thị Mai	Tiên Sơn	13	3	LUC	1.686,7	
380	Trần Đình Viễn, Nguyễn Thị Lành (ông Viễn đã chết), bà Nguyễn Thị Lành đang sử dụng	Tiên Sơn	84	3	LUC	891,6	
381	Phan Thị Thu Hằng	Tiên Sơn	15	3	LUC	493,9	
382	Trần Thị Chính	Tiên Sơn	38	3	LUC	401,4	
			31	2	LUC	421,8	
383	Trịnh Quốc Huân, Đào Thị Dinh	Tiên Sơn	34	18	ONT	19,9	
			315	19	ONT	99,4	
384	Vũ Đình Ngữ, Phan Thị Thìn	Tiên Sơn	129	3	LUC	51,7	
			130	3	LUC	557,3	
385	Vũ Đức Dương, Phan Thị Hà	Tiên Sơn	55	3	LUC	594,5	
386	Vũ Đức Huy, Bùi Thị Lan	Tiên Sơn	131	3	LUC	1.391,3	
387	Vũ Đức Vốn, Phan Thị Ngoan	Tiên Sơn	52	3	LUC	1.189,1	
388	Vũ Xuân Tiến	Tiên Sơn	26	19	ONT	1,3	
389	Nguyễn Quang Huy, Nguyễn Thị Lựu	Tiên Sơn	104	3	LUC	1.090,9	
			105	3	LUC	246,0	
			9	7	LUC	1.590,4	
390	Nguyễn Thị Sản (đã chết), ông Phạm Ngọc Lự là người được thừa kế	Trung Hòa	118	7	LUC	172,1	
391	Phan Văn Uyển, Bùi Thị Thị (ông Uyển, bà Thị đã chết), ông Phan Văn Nguyên (con trai hộ NN riêng) đang sử dụng	Trung Hòa	129	7	LUC	218,8	
392	Đào Nguyên Đối	Trung Hòa	12	8	LUC	900,1	
			169	2	LUC	488,3	
			220	2	LUC	386,5	
393	Đào Nguyên Lượng, Phan Thị Liên	Trung Hòa	199	2	LUC	409,1	
			13	8	LUC	562,3	
			170	2	LUC	369,8	
394	Đào Văn Tấu (ông Tấu đã chết), hiện ông Đào Nguyên Đối (con trai) đang sử dụng	Trung Hòa	221	2	LUC	214,2	
395	Hoàng Thị Cánh (bà Cánh đã chết), hiện bà Phan Thị Thơm (con gái) đang sử dụng	Trung Hòa	265	2	LUC	277,2	
			266	7	LUC	330,9	
			139	2	LUC	188,2	
396	Phạm Như Ngành, Hoàng Thị Hạt (ông Ngành đã chết), bà Hoàng Thị Hạt đang sử dụng	Trung Hòa	312	7	HNK	374,2	
			258	2	LUC	459,8	
			171	2	LUC	387,2	
397	Lại Đức Cường, Nguyễn Thị Nhị	Trung Hòa	179	2	LUC	597,0	
			65	7	LUC	537,3	

STT	Họ tên	Địa chỉ thửa đất (Tổ dân phố)	Số thửa đất	Tờ bản đồ ĐC	Loại đất dự kiến thu hồi	Diện tích thực hiện dự án (m2)	Ghi chú
398	Lại Đức Đinh, Nguyễn Thị Hằng	Trung Hòa	178	2	LUC	385,0	
			67	7	LUC	476,6	
399	Lại Đức Quang, Phạm Thị Gái (ông Quang đã chết), bà Phạm Thị Gái đang sử dụng	Trung Hòa	55	2	LUC	527,0	
			261	7	LUC	650,0	
400	Lại Đức Tài, Phan Thị Nguyên	Trung Hòa	227	2	LUC	289,1	
			66	7	LUC	394,5	
401	Lại Đức Tung, Nguyễn Thị Gái (ông Tung đã chết), bà Nguyễn Thị Gái đang sử dụng	Trung Hòa	205	2	LUC	640,1	
			187	7	LUC	638,6	
402	Lại Đức Thuỷ, Nguyễn Thị Vê	Trung Hòa	3	8	LUC	374,5	
			102	2	LUC	237,6	
403	Ninh Văn Lợi, Nguyễn Thị Hiền	Trung Hòa	239	2	LUC	241,2	
			189	7	LUC	378,5	
404	Ngô Thị Báu (đã chết), bà Nguyễn Thị Minh (con gái) đang sử dụng	Trung Hòa	24	2	LUC	203,5	
			128	2	LUC	182,1	
405	Ngô Văn Phi, Phan Thị Liên	Trung Hòa	250	2	LUC	368,4	
			296	7	HNK	330,0	
	Ngô Văn Phi, Phan Thị Liên + Phan Văn Trúc, Nguyễn Thi Ghi		104	2	LUC	508,8	
406	Phan Văn Trúc, Nguyễn Thi Ghi	Trung Hòa	251	2	LUC	230,3	
			309	7	HNK	443,0	
407	Ngô Văn Quý, Nguyễn Thị Lịu (ông Quý đã chết), bà Nguyễn Thị Lịu đang sử dụng	Trung Hòa	127	2	LUC	1.044,8	
			29	8	LUC	159,1	
408	Nguyễn Công Bài, Nguyễn Thị Huế	Trung Hòa	37	8	LUC	355,9	
409	Nguyễn Công Bình, Tô Thị Hợi	Trung Hòa	184	2	LUC	354,8	
			121	7	LUC	733,1	
			173	2	LUC	618,1	
410	Nguyễn Công Bốn, Nguyễn Thị Cúc	Trung Hòa	4	8	LUC	707,1	
411	Nguyễn Xuân Chiến, Phan Thị Nga	Trung Hòa	229	2	LUC	322,0	
			283	7	LUC	203,8	
412	Nguyễn Công Chiến, Phạm Thị Thu	Trung Hòa	203	7	LUC	874,8	
413	Nguyễn Công Hòa, Bùi Thị Ngư (ông Hòa, bà Ngư đã chết), ông Nguyễn Công Chiến là người được hưởng thừa kế	Trung Hòa	232	2	LUC	456,6	
414	Nguyễn Công Đông, Phạm Thị Lan + Nguyễn Công Rục, Lại Thị Phin (ông Rục, bà Phin đã chết), ông Nguyễn Công Đông (con trai) đang sử dụng	Trung Hòa	282	2	LUC	727,2	
			58	2	LUC	735,3	
415	Nguyễn Công Hải, Phan Thị Nga (ông Hải đã chết), bà Phan Thị Nga đang sử dụng	Trung Hòa	115	2	LUC	1.178,5	
			192	7	LUC	376,8	
416	Nguyễn Công Hoan, Đào Thị Hướng (ông Hoan đã chết), bà Đào Thị Hướng đang sử dụng	Trung Hòa	116	2	LUC	1.113,1	
			193	7	LUC	742,7	
417	Nguyễn Công Hồng, Lại Thị Dung (ông Hồng đã chết), bà Lại Thị Dung đang sử dụng	Trung Hòa	61	2	LUC	918,9	
			267	7	LUC	742,8	
418	Nguyễn Công Hùng, Nguyễn Thị Lý	Trung Hòa	246	2	LUC	357,1	
			259	7	LUC	561,1	
			106	2	LUC	417,8	

STT	Họ tên	Địa chỉ thửa đất (Tổ dân phố)	Số thửa đất	Tờ bản đồ ĐC	Loại đất dự kiến thu hồi	Diện tích thực hiện dự án (m2)	Ghi chú
419	Nguyễn Công Mạnh, Nguyễn Thị Lan (ông Mạnh đã chết), bà Nguyễn Thị Lan đang sử dụng	Trung Hòa	59	7	LUC	996,7	
			138	2	LUC	327,4	
420	Nguyễn Công Mừng, Nguyễn Thị Hiền	Trung Hòa	285	2	LUC	379,0	
421	Nguyễn Công Nam, Nguyễn Thị Huệ	Trung Hòa	238	2	LUC	259,9	
	Nguyễn Công Nam, Nguyễn Thị Huệ + Phan Thị Dần (bà Dần đã chết), ông Nguyễn Công Tuyến (con trai) đang sử dụng	Trung Hòa	191	7	LUC	588,2	
422	Phan Thị Dần (bà Dần đã chết), ông Nguyễn Công Tuyến (con trai) đang sử dụng	Trung Hòa	190	7	LUC	153,9	
423	Nguyễn Công Nuôi (ông Nuôi đã chết), ông Nguyễn Công Lượng (con trai) đang sử dụng	Trung Hòa	206	2	LUC	540,8	
424	Nguyễn Công Quý, Phạm Thị Suối	Trung Hòa	240	2	LUC	715,7	
			188	7	LUC	721,7	
425	Nguyễn Công Thái, Phan Thị Hằng	Trung Hòa	56	7	LUC	435,6	
	Nguyễn Công Thái, Phan Thị Hằng + Nguyễn Công Riến, Phan Thị Xuân (ông Riến đã chết), bà Phan Thị Xuân đang sử dụng	Trung Hòa	78	2	LUC	848,8	
426	Nguyễn Công Riến, Phan Thị Xuân (ông Riến đã chết), bà Phan Thị Xuân đang sử dụng	Trung Hòa	205	7	LUC	398,1	
427	Nguyễn Công Ru, Phan Thị Chuyên (ông Ru đã chết), bà Phan Thị Chuyên đang sử dụng	Trung Hòa	197	7	LUC	781,0	
428	Nguyễn Công Rư, Phan Thị út (ông Rư đã chết), bà Phan Thị út đang sử dụng	Trung Hòa	176	2	LUC	979,7	
			292	7	HNK	767,8	
429	Nguyễn Công Tuất, Phan Thị Vui	Trung Hòa	36	8	LUC	388,1	
			223	2	LUC	269,0	
430	Nguyễn Công Thành, Nguyễn Thị Hương	Trung Hòa	77	2	LUC	264,3	
			204	7	LUC	905,0	
431	Nguyên Công Thanh, Nguyễn Thị Thanh	Trung Hòa	284	2	LUC	402,1	
432	Nguyễn Công Thiềm, Hoàng Thị Gái (ông Thiềm, bà gái đã chết), ông Nguyễn Công Thanh (con trai) đang sử dụng	Trung Hòa	276	2	LUC	460,4	
433	Nguyễn Công ứng, Vũ Thị Phượng	Trung Hòa	110	2	LUC	348,4	
			38	8	LUC	415,7	
			34	7	LUC	208,0	
434	Nguyễn Công Việt, Đặng Thị Xuyến	Trung Hòa	286	2	LUC	695,1	
435	Nguyễn Công Vững, Nguyễn Thị Nga	Trung Hòa	202	7	LUC	341,6	
			135	2	LUC	211,9	
436	Nguyễn Công Yết, Nguyễn Thị Bình (ông Yết đã chết), bà Nguyễn Thị Bình đang sử dụng	Trung Hòa	126	7	LUC	499,3	
			136	2	LUC	264,6	
437	Nguyễn Đình Bốn	Trung Hòa	280	2	LUC	353,0	
438	Nguyễn Đình Đoài, Nguyễn Thị Gái (ông Đoài đã chết), bà Nguyễn Thị Gái đang sử dụng	Trung Hòa	79	2	LUC	1.051,5	
			122	7	LUC	269,7	

STT	Họ tên	Địa chỉ thửa đất (Tổ dân phố)	Số thửa đất	Tờ bản đồ ĐC	Loại đất dự kiến thu hồi	Diện tích thực hiện dự án (m2)	Ghi chú
439	Nguyễn Đình Tư, Nguyễn Thị Hạ	Trung Hòa	28	2	LUC	541,0	
			235	2	LUC	344,2	
			294	7	HNK	353,6	
			224	2	LUC	295,0	
440	Nguyễn Đình Thơ, Đặng Thị Sâm (ông Thơ, bà Sâm đã chết), ông Nguyễn Đình Bình (con trai) đang sử dụng	Trung Hòa	107	2	LUC	551,4	
			233	2	LUC	311,9	
			234	2	LUC	423,2	
441	Nguyễn Hữu Thơm, Nguyễn Thị Hiền	Trung Hòa	57	2	LUC	619,4	
			283	2	LUC	736,4	
442	Nguyễn Thị Sớm (Thử)	Trung Hòa	307	7	LUC	264,6	
			25	2	LUC	254,7	
443	Nguyễn Thế Bốn, Phan Thị Minh	Trung Hòa	6	8	LUC	714,4	
444	Nguyễn Thế Chưởng, Nguyễn Thị Kẹo (ông Chưởng, bà Kẹo đã chết), bà Đoàn Thị Dậu đang sử dụng	Trung Hòa	23	2	LUC	176,1	
445	Nguyễn Thế Chưởng, Nguyễn Thị Kẹo (ông Chưởng, bà Kẹo đã chết), bà Đoàn Thị Dậu đang sử dụng + Nguyễn Thế Toàn, Đoàn Thị Dậu (ông Toàn đã chết), bà Đoàn Thị Dậu đang sử dụng	Trung Hòa	185	7	LUC	690,6	
			202	2	LUC	562,8	
446	Nguyễn Thế Định, Nguyễn Thị Hỏi	Trung Hòa	259	2	LUC	376,8	
447	Nguyễn Thế Đông, Phạm Thị Thao	Trung Hòa	7	8	LUC	898,0	
448	Nguyễn Thế Đới, Nguyễn Thị Tằm (ông Đới, bà Tằm, đã chết), ông Nguyễn Trung Thế (con trai hộ NN riêng) đang sử dụng	Trung Hòa	197	2	LUC	285,3	
			46	8	LUC	339,5	
449	Nguyễn Thế Hải, Nguyễn Thị Hoà	Trung Hòa	32	7	LUC	846,5	
450	Nguyễn Thế Hàng, Nguyễn Thị Len (ông Hàng đã chết), bà Nguyễn Thị Len đang sử dụng	Trung Hòa	201	2	LUC	40,2	
			184	7	LUC	770,5	
451	Nguyễn Thế Huấn, Phạm Thị Lanh	Trung Hòa	21	2	LUC	550,3	
			261	2	LUC	602,0	
			308	7	LUC	616,9	
452	Nguyễn Thị Lan	Trung Hòa	277	7	LUC	680,6	
			195	2	LUC	568,7	
453	Nguyễn Thế Là, Phan Thị Hằng	Trung Hòa	228	2	LUC	470,4	
			141	2	LUC	449,5	
454	Nguyễn Thế Là, Phan Thị Hằng + Lại Thị Gan		255	7	LUC	716,8	
455	Lại Thị Gan	Trung Hòa	254	7	LUC	212,9	
456	Nguyễn Thế Mạnh, Nguyễn Thị Hẹn	Trung Hòa	12	2	LUC	135,0	
			206	7	LUC	283,1	
457	Nguyễn Thế Oanh, Lê Thị Miến	Trung Hòa	231	2	LUC	227,8	
			133	2	LUC	220,7	
			258	7	LUC	449,7	
458	Nguyễn Thế Phúc, Nguyễn Thị Dân	Trung Hòa	237	2	LUC	246,3	
			195	7	LUC	354,3	
			132	2	LUC	216,5	

STT	Họ tên	Địa chỉ thửa đất (Tổ dân phố)	Số thửa đất	Tờ bản đồ ĐC	Loại đất dự kiến thu hồi	Diện tích thực hiện dự án (m2)	Ghi chú
459	Nguyễn Thế Quý, Vũ Thị Hiền	Trung Hòa	203	2	LUC	272,6	
			186	7	LUC	367,4	
460	Nguyễn Thế Quyết, Nguyễn Thị Lan	Trung Hòa	174	2	LUC	736,4	
461	Nguyễn Thế Rục, Nguyễn Thị Cám (ông Rục, bà Cám đã chết), ông Nguyễn Thế Định (con trai) đang sử dụng	Trung Hòa	64	2	LUC	747,3	
462	Nguyễn Thế Tiến, Phan Thị Thu	Trung Hòa	13	2	LUC	566,7	
			200	2	LUC	276,4	
463	Nguyễn Thế Tùng, Trần Thị Mùi (ông Tùng đã chết), bà Trần Thị Mùi đang sử dụng	Trung Hòa	142	2	LUC	434,2	
			285	7	LUC	360,4	
			300	7	LUC	369,5	
	Nguyễn Thế Tùng, Trần Thị Mùi (ông Tùng đã chết), bà Trần Thị Mùi đang sử dụng + Nguyễn Thị Lành		252	2	LUC	415,8	
464	Nguyễn Thị Lành	Trung Hòa	263	2	LUC	130,7	
465	Nguyễn Thế Thưởng, Phan Thị Gái (ông Thưởng, bà Gái đã chết), ông Nguyễn Thế Bốn (con trai) đang sử dụng	Trung Hòa	8	8	LUC	395,2	
			9	8	LUC	310,7	
466	Nguyễn Thế ức, Tạ Thị Nhẹn	Trung Hòa	262	2	LUC	706,9	
			284	7	LUC	209,1	
467	Nguyễn Thế Việt, Hoàng Thị Nến	Trung Hòa	5	8	LUC	178,9	
468	Nguyễn Thế Vinh, Trần Thị Thắm (ông Vinh đã chết), bà Trần Thị Thắm đang sử dụng	Trung Hòa	257	2	LUC	587,0	
			311	7	HNK	573,7	
469	Nguyễn Thị Bống (bà Bống đã chết), bà Trần Thị Ươm (con gái) đang sử dụng	Trung Hòa	275	7	LUC	263,3	
			31	7	LUC	263,9	
470	Nguyễn Thị Di + Nguyễn Xuân Xúc, Phạm Thị Khán (ông Xúc đã chết), bà Phạm Thị Khán đang sử dụng	Trung Hòa	255	2	LUC	561,5	
471	Nguyễn Xuân Xúc, Phạm Thị Khán (ông Xúc đã chết), bà Phạm Thị Khán đang sử dụng	Trung Hòa	282	7	LUC	1.266,3	
472	Nguyễn Thị Hồng	Trung Hòa	272	2	LUC	420,7	
473	Nguyễn Thị Huệ	Trung Hòa	177	2	LUC	710,6	
			278	7	LUC	557,9	
474	Nguyễn Thị Ngọt	Trung Hòa	244	2	LUC	150,9	
			268	2	LUC	217,0	
475	Nguyễn Thị Loan	Trung Hòa	109	2	LUC	380,4	
476	Nguyễn Thị Sen (đã chết), ông Nguyễn Thế Ngân là người được hưởng thừa kế	Trung Hòa	270	2	LUC	419,1	
477	Nguyễn Trung Thế, Phạm Thị Chính	Trung Hòa	198	2	LUC	615,1	
			131	7	LUC	791,0	
478	Nguyễn Thị Sửu (đã chết), ông Phan Văn Xính là người được hưởng thừa kế	Trung Hòa	273	2	LUC	406,7	
479	Nguyễn Xuân Bô (đã chết), hiện bà Nguyễn Thị Tuân (con gái) đang sử dụng	Trung Hòa	281	2	LUC	420,2	
			1	8	LUC	542,0	

STT	Họ tên	Địa chỉ thửa đất (Tổ dân phố)	Số thửa đất	Tờ bản đồ ĐC	Loại đất dự kiến thu hồi	Diện tích thực hiện dự án (m2)	Ghi chú
480	Nguyễn Xuân Chiều, Phan Thị Loan	Trung Hòa	254	2	LUC	285,4	
			105	2	LUC	237,7	
			298	7	LUC	425,8	
481	Nguyễn Xuân Duyên, Phạm Thị Lý	Trung Hòa	181	2	LUC	433,3	
			124	7	LUC	307,1	
			125	7	LUC	432,3	
482	Nguyễn Xuân Giáp	Trung Hòa	274	2	LUC	568,5	
483	Nguyễn Xuân Giờ, Nguyễn Thị Lý (ông Giờ đã chết), bà Nguyễn Thị Lý đang sử dụng	Trung Hòa	60	7	LUC	1.214,0	
484	Vũ Thị Thuý (Hải)	Trung Hòa	23	7	LUC	297,1	
485	Nguyễn Xuân Hiền, Nguyễn Thị Năm	Trung Hòa	124	2	LUC	704,3	
			279	2	LUC	158,9	
			269	7	LUC	922,3	
486	Lại Thị Chi (đã chết), ông Nguyễn Xuân Hiền là người được hưởng thừa kế		125	2	LUC	338,0	
487	Nguyễn Xuân Hợp, Đào Thị Cậy (ông Hợp, bà Cậy đã chết), bà Nguyễn Thị Thắm (con gái) đang sử dụng	Trung Hòa	271	2	LUC	201,9	
488	Phan Thị Lụt (Lẫm) (bà Lụt đã chết), bà Nguyễn Thị Thương (con gái) đang sử dụng	Trung Hòa	56	2	LUC	539,7	
			204	2	LUC	394,2	
			64	7	LUC	704,0	
489	Nguyễn Xuân Lợi, Phan Thị Hoa	Trung Hòa	275	2	LUC	365,6	
490	Nguyên Công Lợi, Nguyễn Thị Dung	Trung Hòa	278	2	LUC	410,4	
491	Nguyễn Xuân Mạnh, Phạm Thị Cúc	Trung Hòa	80	2	LUC	632,8	
			260	7	LUC	551,8	
492	Nguyễn Xuân Quyết, Phạm Thị Hiên	Trung Hòa	137	2	LUC	295,3	
			58	7	LUC	535,4	
493	Nguyễn Xuân Thiếp, Trần Thị Thơi (ông Thiếp, bà Thoi đã chết), ông Nguyễn Xuân Chiều (con trai) đang sử dụng	Trung Hòa	183	2	LUC	212,7	
			120	7	LUC	352,6	
494	Nguyễn Xuân Trước, Phan Thị Rây	Trung Hòa	269	2	LUC	288,6	
495	Phan Thị Bông	Trung Hòa	280	7	LUC	313,3	
496	Phạm Ngọc Măng, Phạm Thị Lan	Trung Hòa	274	7	LUC	551,2	
			25	7	LUC	324,5	
497	Phạm Như Mánh, Đào Thị Sịt (ông Mánh, bà Sịt đã chết), ông Phạm Ngọc Men (con trai) đang sử dụng	Trung Hòa	24	7	LUC	423,7	
			271	7	LUC	527,1	
498	Phạm Ngọc Quế (đã chết), hiện ông Phạm Ngọc Bẩy (con trai) đang sử dụng	Trung Hòa	253	2	LUC	351,0	
			103	2	LUC	241,3	
499	Phạm Như Bường, Nguyễn Thị Thìn	Trung Hòa	264	2	LUC	748,0	
			262	7	LUC	79,8	
500	Phạm Như Chấn, Phan Thị Tho	Trung Hòa	256	2	LUC	522,4	
501	Phạm Như Chính, Vũ Thị Gấm	Trung Hòa	134	2	LUC	228,9	
			21	7	LUC	279,6	

STT	Họ tên	Địa chỉ thửa đất (Tổ dân phố)	Số thửa đất	Tờ bản đồ ĐC	Loại đất dự kiến thu hồi	Diện tích thực hiện dự án (m2)	Ghi chú
502	Phạm Như Chồi, Trần Thị Chếnh (ông Chồi, bà Chếnh đã chết), hiện ông Phạm Như Ngọc (con trai) đang sử dụng	Trung Hòa	22	2	LUC	368,8	
			207	2	LUC	390,8	
			2	8	LUC	507,7	
503	Phạm Như Chung, Nguyễn Thị Hà	Trung Hòa	74	2	LUC	976,3	
			63	7	LUC	299,2	
504	Nguyễn Thị Hiếm (chết), hiện bà Phan Thị Phương (con gái) đang sử dụng	Trung Hòa	257	7	LUC	356,5	
505	Phạm Như Hiến, Lại Thị Cậy (ông Hiến đã chết), bà Lại Thị Cậy đang sử dụng	Trung Hòa	180	2	LUC	431,5	
			62	7	LUC	669,5	
506	Phạm Như Khiên, Nguyễn Thị Cài (ông Khiên đã chết), bà Nguyễn Thị Cài đang sử dụng	Trung Hòa	33	7	LUC	448,9	
			27	2	LUC	371,0	
			281	7	LUC	511,0	
507	Phạm Như Loát, Nguyễn Thị Chi (ông Loát đã chết), bà Nguyễn Thị Chi đang sử dụng	Trung Hòa	62	2	LUC	1.083,1	
			30	8	LUC	233,9	
			31	8	LUC	232,8	
			33	8	LUC	204,0	
			34	8	LUC	344,6	
			35	8	LUC	154,2	
			222	2	LUC	630,6	
508	Phạm Thị Hường (bà Hường đã chết), bà Nguyễn Thị Chi đang sử dụng	Trung Hòa	32	8	LUC	195,8	
509	Phạm Như Ngọc	Trung Hòa	130	2	LUC	430,9	
510	Phạm Như Rịu, Nguyễn Thị Sớm (ông Rịu, bà Sớm đã chết), ông Phạm Như Bảo (con trai) đang sử dụng	Trung Hòa	264	7	LUC	890,9	
			263	7	LUC	73,4	
511	Phạm Thị Mức	Trung Hòa	114	2	LUC	1.067,9	
			272	7	LUC	389,7	
512	Phạm Thị Nhung	Trung Hòa	63	2	LUC	364,9	
			209	2	LUC	354,6	
513	Nguyễn Thị Nhung		108	2	LUC	294,5	
514	Nguyễn Thị Nhung + Phan Văn Mỹ, Phạm Thị Tới (ông Mỹ bà Tới đã chết), bà Phan Thị Ngọ (con gái) đang sử dụng	Trung Hòa	55	7	LUC	503,1	
515	Phan Văn Mỹ, Phạm Thị Tới (ông Mỹ bà Tới đã chết), bà Phan Thị Ngọ (con gái) đang sử dụng	Trung Hòa	196	7	LUC	520,8	
516	Phạm Thị Sáu	Trung Hòa	65	2	LUC	526,3	
			66	2	LUC	395,6	
517	Phạm Thị Thơm	Trung Hòa	129	2	LUC	387,7	
518	Phan Bá Mạnh, Lại Thị Phi	Trung Hòa	48	8	LUC	702,9	
			131	2	LUC	444,1	
			225	2	LUC	516,2	
519	Phan Tiến Dũng, Nguyễn Thị Đông	Trung Hòa	19	2	LUC	377,0	
			268	7	LUC	389,1	

STT	Họ tên	Địa chỉ thửa đất (Tổ dân phố)	Số thửa đất	Tờ bản đồ ĐC	Loại đất dự kiến thu hồi	Diện tích thực hiện dự án (m2)	Ghi chú
520	Phan Thị Cúc	Trung Hòa	24	8	LUC	440,5	
			76	2	LUC	676,7	
521	Phan Thị Cun (Thắm)	Trung Hòa	266	2	LUC	410,8	
522	Phan Thị Đào	Trung Hòa	267	2	LUC	379,8	
523	Phan Thị Gấm	Trung Hòa	112	2	LUC	496,0	
524	Phan Thị Giùn	Trung Hòa	198	7	LUC	330,1	
525	Phan Thị My	Trung Hòa	75	2	LUC	552,4	
			290	7	NKH	466,9	
			293	7	HNK	300,1	
526	Phan Thị Xuân	Trung Hòa	30	2	LUC	378,2	
			310	7	HNK	508,0	
527	Phan Thị Xuyền	Trung Hòa	182	2	LUC	300,4	
			123	7	LUC	647,1	
528	Phan Văn Bảo, Vũ Thị Xuân (ông Bảo đã chết), bà Vũ Thị Xuân đang sử dụng	Trung Hòa	111	2	LUC	343,5	
			287	7	LUC	362,8	
			27	7	LUC	166,7	
529	Phan Văn Bắc, Nguyễn Thị Xuân	Trung Hòa	45	8	LUC	708,1	
530	Phan Văn Chín, Nguyễn Thị Dung	Trung Hòa	130	7	LUC	277,6	
531	Phan Văn Chừng, Nguyễn Thị Trâm (ông Chừng, bà Châm đã chết), hiện ông Phan Văn Huấn (con trai) đang sử dụng	Trung Hòa	17	2	LUC	438,7	
532	Phan Văn Dũng, Nguyễn Thị Hằng	Trung Hòa	15	2	LUC	367,5	
			57	7	LUC	165,1	
			11	8	LUC	380,5	
533	Phan Văn Hễ, Nguyễn Thị Lóc	Trung Hòa	29	2	LUC	1.003,5	
			236	2	LUC	336,8	
			127	7	LUC	721,5	
534	Phan Văn Hội, Nguyễn Thị Ngoan	Trung Hòa	20	2	LUC	548,1	
			230	2	LUC	381,5	
			256	7	LUC	727,0	
535	Phan Văn Huấn, Nguyễn Thị Khéo	Trung Hòa	16	2	LUC	78,1	
			61	7	LUC	196,9	
			119	7	LUC	955,9	
536	Phan Văn Lợi, Phạm Thị Mão	Trung Hòa	26	2	LUC	740,0	
			47	8	LUC	590,8	
537	Phan Văn Lợi, Lại Thị Loan	Trung Hòa	172	2	LUC	514,9	
538	Phan Văn Lượng, Phạm Thị Hằng	Trung Hòa	270	7	LUC	769,3	
			22	7	LUC	452,7	
539	Phan Văn Mùa, Lại Thị Mận	Trung Hòa	28	7	LUC	41,2	
540	Phan Văn Nam, Bùi Thị Hợi	Trung Hòa	279	7	LUC	648,3	
			29	7	LUC	257,7	
			175	2	LUC	593,6	
541	Phan Văn Nghĩa, Nguyễn Thị Nhung	Trung Hòa	126	2	LUC	1.045,2	
542	Phan Văn Nguyên, Nguyễn Thị Hoà	Trung Hòa	128	7	LUC	432,6	
543	Phan Văn Phóng, Bùi Thị Chiến	Trung Hòa	18	2	LUC	464,1	

STT	Họ tên	Địa chỉ thửa đất (Tổ dân phố)	Số thửa đất	Tờ bản đồ ĐC	Loại đất dự kiến thu hồi	Diện tích thực hiện dự án (m2)	Ghi chú
544	Phan Văn Phúc, Phạm Thị Gái	Trung Hòa	67	2	LUC	627,0	
			277	2	LUC	702,3	
545	Phan Văn Quý, Nguyễn Thị Phương	Trung Hòa	59	2	LUC	82,7	
			196	2	LUC	778,4	
546	Phan Văn Rần, Phạm Thị Mai (ông Rần đã chết), bà Phạm Thị Mai đang sử dụng	Trung Hòa	123	2	LUC	378,6	
			194	7	LUC	337,6	
			291	7	HNK	168,4	
547	Đặng Thị Di, Phan Văn Lĩnh (ông Lĩnh, bà Di đã chết), bà Phan Thị Ngoan (con gái) đang sử dụng + Phan Văn Riễn, Phạm Thị Loan	Trung Hòa	208	2	LUC	1.038,4	
			289	7	HNK	842,4	
548	Phan Văn Thai, Phạm Thị Thủy	Trung Hòa	27	8	LUC	475,6	
549	Phan Văn Thành (Uyên), Nguyễn Thị Thắm	Trung Hòa	72	2	LUC	296,2	
			265	7	LUC	409,3	
			140	2	LUC	257,6	
550	Phan Văn Thành, Nguyễn Thị Vang	Trung Hòa	26	8	LUC	431,6	
551	Phan Văn Thau (đã chết), bà Phan Thị Oanh (con gái) đang sử dụng	Trung Hòa	132	7	LUC	604,0	
			60	2	LUC	659,0	
552	Phan Văn Thơm, Nguyễn Thị Hồng	Trung Hòa	25	8	LUC	522,9	
			226	2	LUC	277,5	
			26	7	LUC	415,1	
553	Nguyễn Thị Cún (bà Cún đã chết), bà Phan Thị Ngoan (con gái) đang sử dụng	Trung Hòa	113	2	LUC	539,9	
			288	7	LUC	287,8	
554	Nguyễn Thị Lan	Trung Hòa	10	8	LUC	351,9	
			14	2	LUC	358,5	
			71	2	LUC	157,2	
555	Trần Đình Toanh, Bùi Thị Thái	Trung Hòa	273	7	LUC	727,7	
			30	7	LUC	261,4	
556	Trần Thị Hải	Trung Hòa	276	7	LUC	228,0	
			20	7	LUC	152,2	
557	Vũ Đức Phi, Vũ Thị Thiệt	Trung Hòa	248	2	LUC	190,1	
			249	2	LUC	462,0	
			199	7	LUC	764,5	
558	Vũ Đức Phương, Lại Thị Ngoan	Trung Hòa	247	2	LUC	664,5	
559	Vũ Đức Phượng, Vũ Thị Mùi	Trung Hòa	200	7	LUC	843,9	
			201	7	LUC	407,9	
560	Nguyễn Ngọc Sơn, Phạm Thị Chất	Tổ 1	29	19	ONT	52,5	
561	Đào Thị Hiền	Tổ 1	30	19	ONT	2,5	
562	Phạm Văn Tâm (Khỏa)	Tổ 1	566	19	ONT	154,5	
563	Hoàng Văn Biên	Tổ 1	567	19	ONT	58,8	
564	Nguyễn Thị Xê	Tổ 1	568	19	ONT	120,8	
565	Bùi Thị Hảo	Tổ 1	569	19	ONT	55,5	
566	Vũ Đắc Long	Tổ 1	570	19	ONT	15,8	
567	Nguyễn Công Khởi	Tổ 1	571	19	ONT	120,3	
568	Lê Thị Xuyên	Tổ 1	572	19	ONT	118,2	

STT	Họ tên	Địa chỉ thửa đất (Tổ dân phố)	Số thửa đất	Tờ bản đồ ĐC	Loại đất dự kiến thu hồi	Diện tích thực hiện dự án (m2)	Ghi chú
569	Nguyễn Văn Doãn (Nghiên)	Tổ 1	573	19	ONT	57,2	
570	Phạm Văn Đạt	Tổ 1	574	19	ONT	60,6	
571	Phạm Văn Thái	Tổ 1	575	19	ONT	58,1	
572	Đỗ Ngọc Thao	Tổ 1	576	19	ONT	25,6	
573	Nguyễn Trong Tưởng (đã chết), hiện bà Nguyễn Thị Mai (con gái) đang sử dụng	Tổ 1	577	19	ONT	102,1	
574	Hoàng Quốc Vương	Tổ 1	578	19	ONT	50,8	
575	Nguyễn Công Bài	Tổ 1	579	19	ONT	46,5	
576	Nguyễn Văn Khanh	Tổ 1	580	19	ONT	14,3	
577	Phạm Trường Tiến, Bùi Thị Nguyệt	Tổ 1	313	19	ONT	76,1	
578	Vũ Minh ánh, Cao Thị Thoa	Tổ 1	314	19	ONT	81,2	
579	Bệnh viện Lao và bệnh Phổi Thái Bình		313	7	DYT	49,3	
			295	7	HNK	352,2	
580	Chùa Sam		214	18	TON	26,2	
	UBND phường Trần Lãm		49	8	DNL	49,2	
	UBND phường Trần Lãm		471	7	HNK	214,3	
	UBND phường Trần Lãm		158	7	LUC	132,7	
	UBND phường Trần Lãm		10	7	LUC	246,6	
	UBND phường Trần Lãm		503	7	HNK	261,3	
	UBND phường Trần Lãm		11	3	LUC	160,5	
	UBND phường Trần Lãm		37	2	LUC	131,8	
	UBND phường Trần Lãm		97	7	LUC	84,7	
	UBND phường Trần Lãm		176	7	LUC	41,1	
	UBND phường Trần Lãm		301	7	LUC	93,5	
	UBND phường Trần Lãm		432	7	HNK	123,6	
	UBND phường Trần Lãm		481	7	HNK	103,2	
	UBND phường Trần Lãm		491	7	HNK	187,1	
	UBND phường Trần Lãm		504	7	HNK	49,3	
	UBND phường Trần Lãm		507	7	HNK	10,7	
	UBND phường Trần Lãm		306	7	LUC	72,8	
	UBND phường Trần Lãm		260	2	LUC	233,9	
	UBND phường Trần Lãm		305	7	LUC	247,1	
	UBND phường Trần Lãm		297	7	LUC	369,7	
	UBND phường Trần Lãm		217	18	DGD	11,2	
	UBND phường Trần Lãm		218	18	NTS	8,3	
	UBND phường Trần Lãm		219	18	NKH	14,9	
	UBND phường Trần Lãm		38	2	NTD	61,7	
	UBND phường Trần Lãm		43	2	NTD	56,5	
	UBND phường Trần Lãm		145	2	NTD	11,5	
	UBND phường Trần Lãm		1	7	NTD	2,4	
	UBND phường Trần Lãm		286	7	NTD	2.089,2	
	UBND phường Trần Lãm		299	7	NTD	57,7	
	UBND phường Trần Lãm		335	7	NTD	48,1	
	UBND phường Trần Lãm		372	7	NTD	27,4	

STT	Họ tên	Địa chỉ thửa đất (Tổ dân phố)	Số thửa đất	Tờ bản đồ ĐC	Loại đất dự kiến thu hồi	Diện tích thực hiện dự án (m2)	Ghi chú
	UBND phường Trần Lãm		424	7	NTD	56,6	
	UBND phường Trần Lãm		433	7	NTD	77,8	
	UBND phường Trần Lãm		213	18	NTD	12,2	
	UBND phường Trần Lãm		3001	7	DGT	17,2	
	UBND phường Trần Lãm		3002	7	DGT	9,8	
	UBND phường Trần Lãm		3003	7	DGT	12,5	
	UBND phường Trần Lãm		3004	7	DGT	250,9	
	UBND phường Trần Lãm		3005	7	DGT	247,1	
	UBND phường Trần Lãm		3006	7	DGT	763,0	
	UBND phường Trần Lãm		3007	7	DGT	31,9	
	UBND phường Trần Lãm		3008	7	DGT	190,1	
	UBND phường Trần Lãm		3009	7	DGT	2.449,0	
	UBND phường Trần Lãm		3010	7	DGT	1.726,7	
	UBND phường Trần Lãm		3011	7	DGT	9,2	
	UBND phường Trần Lãm		3012	7	DGT	8.780,5	
	UBND phường Trần Lãm		3013	7	DGT	386,0	
	UBND phường Trần Lãm		3014	7	DGT	683,4	
	UBND phường Trần Lãm		3001	2	DGT	32,9	
	UBND phường Trần Lãm		3002	2	DGT	50,4	
	UBND phường Trần Lãm		3003	2	DGT	64,3	
581	UBND phường Trần Lãm		3004	2	DGT	76,8	
	UBND phường Trần Lãm		3005	2	DGT	73,6	
	UBND phường Trần Lãm		3006	2	DGT	64,3	
	UBND phường Trần Lãm		3007	2	DGT	73,0	
	UBND phường Trần Lãm		3008	2	DGT	75,8	
	UBND phường Trần Lãm		3009	7	DGT	59,7	
	UBND phường Trần Lãm		3010	7	DGT	77,9	
	UBND phường Trần Lãm		3011	7	DGT	22,4	
	UBND phường Trần Lãm		3012	7	DGT	39,3	
	UBND phường Trần Lãm		3013	7	DGT	48,5	
	UBND phường Trần Lãm		3014	7	DGT	62,3	
	UBND phường Trần Lãm		3015	3	DGT	25,8	
	UBND phường Trần Lãm		3016	18	DGT	1,4	
	UBND phường Trần Lãm		3017	19	DGT	27,0	
	UBND phường Trần Lãm		3018	2	DGT	39,5	
	UBND phường Trần Lãm		3019	2	DGT	57,0	
	UBND phường Trần Lãm		3020	18	DGT	0,9	
	UBND phường Trần Lãm		3021	2	DGT	367,3	
	UBND phường Trần Lãm		3022	3	DGT	99,3	
	UBND phường Trần Lãm		3023	7	DGT	84,5	
	UBND phường Trần Lãm		3024	19	DGT	3.104,9	
	UBND phường Trần Lãm		3025	18	DGT	0,3	
	UBND phường Trần Lãm		3026	3	DGT	38,9	
	UBND phường Trần Lãm		3027	7	DGT	43,6	
	UBND phường Trần Lãm		3028	3	DGT	1.063,2	

STT	Họ tên	Địa chỉ thửa đất (Tổ dân phố)	Số thửa đất	Tờ bản đồ ĐC	Loại đất dự kiến thu hồi	Diện tích thực hiện dự án (m2)	Ghi chú
	UBND phường Trần Lãm		3029	3	DGT	1.993,6	
	UBND phường Trần Lãm		3030	2	DGT	502,1	
	UBND phường Trần Lãm		3031	2	DGT	2.319,7	
	UBND phường Trần Lãm		3032	19	DGT	1,2	
	UBND phường Trần Lãm		4001	2	DTL	279,1	
	UBND phường Trần Lãm		4002	2	DTL	121,3	
	UBND phường Trần Lãm		4003	3	DTL	370,8	
	UBND phường Trần Lãm		4004	3	DTL	269,3	
	UBND phường Trần Lãm		4005	2	DTL	127,2	
	UBND phường Trần Lãm		4006	3	DTL	98,9	
	UBND phường Trần Lãm		4007	3	DTL	391,2	
	UBND phường Trần Lãm		4008	19	DTL	276,3	
	UBND phường Trần Lãm		4009	2	DTL	604,1	
	UBND phường Trần Lãm		4010	2	DTL	576,1	
	UBND phường Trần Lãm		4011	2	DTL	649,9	
	UBND phường Trần Lãm		4012	2	DTL	1.512,5	
	UBND phường Trần Lãm		4013	19	DTL	11,5	
	UBND phường Trần Lãm		4014	18	DTL	340,5	
	UBND phường Trần Lãm		4015	19	DTL	6,0	
	UBND phường Trần Lãm		4016	19	DTL	183,0	
	UBND phường Trần Lãm		4001	18	DTL	105,5	
	UBND phường Trần Lãm		4002	2	DTL	347,9	
	UBND phường Trần Lãm		4003	2	DTL	1.192,8	
	UBND phường Trần Lãm		4004	7	DTL	261,6	
	UBND phường Trần Lãm		4005	22	DTL	510,8	
	UBND phường Trần Lãm		4006	7	DTL	1.178,7	
	UBND phường Trần Lãm		4007	7	DTL	2.578,8	
Tổng						**583.887,9**	

DANH SÁCH CÁC THỬA ĐẤT THU HỒI

Dự án: Phát triển nhà ở khu đô thị mới Kiến Giang (đất thu hồi thuộc địa phận phường Kỳ Bá (cũ)

(Kèm theo Thông báo số 128/TB-UBND ngày 22/5/2026 của UBND phường Trần Lãm)

Stt	Hộ gia đình, cá nhân	Đội sản xuất	Tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Loại đất dự kiến thu hồi	Diện tích dự kiến thu hồi theo trích lục địa chính (m2)	Ghi chú
1	Bùi Hữu Tôn	Đội 1				36,8	
2	Phạm Thế Dân (đã chết), con Phạm Thị Bảo Ngọc đang sử dụng	Đội 1				55,2	
3	Phạm Đức Cường (đã chết), vợ Phạm Thị Hoa đang sử dụng	Đội 1				36,8	
4	Phạm Thị Hiền	Đội 1				27,6	
5	Đặng Công An (đã chết), vợ Nguyễn Thị Tâm đang sử dụng	Đội 1				36,8	
6	Đặng Công Thành (đã chết), vợ Lại Thị Kim Phượng đang sử dụng	Đội 1				36,8	
7	Phạm Đức Mậu (đã chết), con Phạm Đức Thắng đang sử dụng	Đội 1				46,0	
8	Vũ Văn Thuận (đã chết), con Vũ Văn Mùi đang sử dụng	Đội 1				27,6	
9	Khiếu Thị Quyến (đã chết), con Phạm Thị Hoa đang sử dụng	Đội 1				9,2	
10	Thái Thị Muối (đã chết), con Bùi Văn Long đang sử dụng	Đội 1				9,2	
11	Phạm Đức Cảo (đã chết), con Phạm Đức Quân đang sử dụng	Đội 1				18,4	
12	Phạm Đức Quân	Đội 1				27,6	
13	Nguyễn Thị Hương	Đội 1				18,4	
14	Nguyễn Thị Vị (đã chết), con Phạm Thị Sung đang sử dụng	Đội 1	41	67	LUC	9,2	
15	Phạm Đình Thắng (đã chết) vợ Nguyễn Thị Bính đang sử dụng	Đội 1				46,0	
16	Phạm Đình Khín (đã chết), cháu nội Phạm Đình Trung đang sử dụng	Đội 1				9,2	
17	Phạm Thị Bích Hồng	Đội 1				18,4	
18	Phạm Đức Hóa (đã chết), vợ Phạm Thị Hợp đang sử dụng	Đội 1				46,0	
19	Phạm Hữu Huỳnh (đã chết), con Phạm Trung Hải đang sử dụng	Đội 1				55,2	
20	Phạm Thị Lệ	Đội 1				27,6	
21	Lê Thị Tý (Chứ) (đã chết), người đang sử dụng đất là Phạm Hữu Dinh	Đội 1				55,2	

Stt	Hộ gia đình, cá nhân	Đội sản xuất	Tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Loại đất dự kiến thu hồi	Diện tích dự kiến thu hồi theo trích lục địa chính (m2)	Ghi chú
22	Phạm Thị Tâm	Đội 1				18,4	
23	Lê Văn Trụ (đã chết), con Lê Quang Tuấn đang sử dụng	Đội 1				36,8	
24	Tống Thị Dung	Đội 1				27,6	
25	Bùi Hữu Dương (đã chết), con Bùi Hữu Tài đang sử dụng	Đội 1				36,8	
26	Phạm Đình Hồi (đã chết), con dâu Bùi Thị Khuyên đang sử dụng	Đội 1				46,0	
27	UBND phường	Đội 1				3,5	
28	Phạm Thị Thông (đã chết), con Phạm Thị Quý đang sử dụng	Đội 1				18,4	
29	Bùi Hữu Giao (đã chết), con Bùi Thị Nhâm đang sử dụng	Đội 1				27,6	
30	Phạm Đình Đông (đã chết), con Phạm Đình Dương đang sử dụng	Đội 1				64,4	
31	Phạm Đức Triệu (đã chết), con Phạm Đức Hùng đang sử dụng	Đội 1				18,4	
32	Phạm Thị Gái	Đội 1				9,2	
33	Phạm Đình Trường (đã chết), con Phạm Thị Minh Nguyệt đang sử dụng	Đội 1				36,8	
34	Phạm Thị Mão	Đội 1				46,0	
35	Phạm Đình Trụ (đã chết), con Phạm Đình Thú đang sử dụng	Đội 1				27,6	
36	Phạm Hữu Bộ (đã chết), Phạm Thị Loan đang sử dụng	Đội 1				36,8	
37	Hà Thị Cúc (đã chết), con Phạm Hữu Huân đang sử dụng	Đội 1				46,0	
38	Trần Thị Tám	Đội 1				46,0	
39	Phạm Đức Thiệp	Đội 1				36,8	
40	Phạm Đức Cẩn	Đội 1				36,8	
41	Phạm Thị Diệp (đã chết), con Phạm Hồng Cơ đang sử dụng	Đội 1				46,0	
42	Phạm Thị Nhâm	Đội 1				36,8	
43	Phạm Thị Nhỡ	Đội 1				18,4	
44	Phạm Thị Chén (đã chết), con Trần Thị Minh Nguyệt đang sử dụng	Đội 1				9,2	
45	Hà Thị Chúc (đã chết), con Nguyễn Thị Liên đang sử dụng	Đội 1				9,2	

Stt	Hộ gia đình, cá nhân	Đội sản xuất	Tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Loại đất dự kiến thu hồi	Diện tích dự kiến thu hồi theo trích lục địa chính (m2)	Ghi chú
46	Phạm Đức Hựu (đã chết), con Phạm Đức Hậu đang sử dụng	Đội 1				9,2	
47	Phạm Đức Hải (đã chết), Bùi Thị Dung (đã chết) con Phạm Đức Hưng đang sử dụng	Đội 1				64,4	
48	Khiếu Thị Gạo (đã chết) con Phạm Đình Quang đang sử dụng	Đội 1				18,4	
49	Phạm Thị Ninh	Đội 1				64,4	
50	Phạm Thị Sứu	Đội 1				27,6	
51	Phạm Đức Hùng	Đội 1				27,6	
52	Phạm Đình Lượng	Đội 1				18,4	
53	Phạm Đình Tùng	Đội 1				36,8	
54	Đào Thị Mý	Đội 1				36,8	
55	Phạm Thị Mấm (Đào) (đã chết), con Phạm Đình Tiến đang sư dụng	Đội 1				9,2	
56	Tô Văn Yên (đã chết) con Tô Văn Quang đang sử dụng	Đội 1	41	68	LUC	55,2	
57	Phạm Văn Ngôn (đã chết) con gái Phạm Thị Ngọ đang sử dụng	Đội 1				9,2	
58	Phạm Thị Canh (đã chết), con trai Vũ Văn Lạc đang sử dụng	Đội 1				18,4	
59	Nguyễn Văn Nghĩa (đã chết), con Nguyễn Duy Hưng đang sử dụng	Đội 1				18,4	
60	Nguyễn Thị Sen (đã chết), con Nguyễn Thị Nhài đang sử dụng	Đội 1				9,2	
61	Phạm Thị Nụ (Nho)	Đội 1				18,4	
62	Phạm Đình Chiến	Đội 1				27,6	
63	Bùi Thị Tình (đã chết), con Phạm Hữu Hòa đang sử dụng	Đội 1				9,2	
64	Nguyễn Thị Bê	Đội 1				55,2	
65	Trần Thị Nuôi (đã chết), con Phạm Thị Ngọc đang sử dụng	Đội 1				9,2	
66	Phạm Thị Đào (đã chết), con Trần Văn Nhữ đang sử dụng	Đội 1				9,2	
67	UBNND phường Trần Lãm	Đội 1				9,2	
68	Nguyễn Thị Điều (đã chết), cháu Phạm Đức Hoàn đang sử dụng	Đội 1				9,2	

Stt	Hộ gia đình, cá nhân	Đội sản xuất	Tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Loại đất dự kiến thu hồi	Diện tích dự kiến thu hồi theo trích lục địa chính (m2)	Ghi chú
69	Phạm Thị Thân (đã chết), con Phạm Thị Minh đang sử dụng	Đội 1				9,2	
70	Phạm Thị Bình (đã chết), cháu nội Phạm Đức Thành đang sử dụng	Đội 1				9,2	
71	UBNND phường Trần Lãm	Đội 1				46,0	
72	Bùi Việt Hùng	Đội 1				18,4	
73	Vũ Tất Miêu (đã chết), vợ Vũ Thị Lý đang sử dụng	Đội 2				36,8	
74	Bùi Văn Cường (đã chết), vợ Phạm Thị Tác đang sử dụng	Đội 2				36,8	
75	Vũ Thị Sen (đã chết), con Nguyễn Thị Kim Toan đang sử dụng	Đội 2				46,0	
76	Nguyễn Văn Tố (đã chết), con Nguyễn Văn Tùng đang sử dụng	Đội 2				27,6	
77	Nguyễn Văn Bốn (đã chết) con Nguyễn Thị Hiền đang sử dụng	Đội 2				36,8	
78	Bùi Ngọc Chính, Bùi Thị Thú	Đội 2				46,0	
79	Đỗ Văn Ba (đã chết), vợ Bùi Thị Dinh đang sử dụng	Đội 2				46,0	
80	Đỗ Xuân Tuấn	Đội 2				46,0	
81	Đỗ Văn Tân (đã chết), vợ Bùi Thị Thận đang sử dụng	Đội 2				73,6	
82	Đỗ Xuân Đại	Đội 2				18,4	
83	Nguyễn Thị Thu (Việt)	Đội 2				27,6	
84	Nguyễn Thị Thơm	Đội 2				18,4	
85	UBND phường	Đội 2				4,1	
86	UBND phường	Đội 2				17,7	
87	Nguyễn Văn Đức	Đội 2				46,0	
88	Nguyễn Văn Tân	Đội 2				27,6	
89	Bùi Thị Thoa (đã chết) con trai Bùi Đức Hải đang sử dụng	Đội 2				64,4	
90	Bùi Thị Kẹo (đã chết), con Đỗ Văn Vinh đang sử dụng	Đội 2				18,4	
91	Đặng Văn Lực (đã chết), vợ Đoàn Thị Lan đang sử dụng	Đội 2				82,8	
92	Đỗ Xuân Vĩnh (đã chết), vợ Đoàn Thị Sớm đang sử dụng	Đội 2				18,4	
93	Đỗ Mạnh Tưởng (Kim)	Đội 2				36,8	
94	Đỗ Xuân Cương	Đội 2				36,8	

Stt	Hộ gia đình, cá nhân	Đội sản xuất	Tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Loại đất dự kiến thu hồi	Diện tích dự kiến thu hồi theo trích lục địa chính (m2)	Ghi chú
95	Đỗ Xuân Tuyến	Đội 2				27,6	
96	Đỗ Văn Thấu (đã chết), con Đỗ Thị Bi đang sử dụng	Đội 2				18,4	
97	Đỗ Văn Vi (đã chết), con Đỗ Thị Ly đang sử dụng	Đội 2				64,4	
98	Đỗ Văn An	Đội 2				46,0	
99	Vũ Tất Quý (đã chết), con Vũ Tất Quy đang sử dụng	Đội 2				73,6	
100	Dương Thị Loan	Đội 2	42	56	LUC	18,4	
101	Nguyễn Văn Đồng (đã chết), con Nguyễn Thị Thanh đang sử dụng	Đội 2				27,6	
102	Nguyễn Văn Kỳ	Đội 2				36,8	
103	Phạm Hữu Vy	Đội 2				46,0	
104	Vũ Duy Minh	Đội 2				36,8	
105	Lê Thị Nhài	Đội 2				27,6	
106	Vũ Tất Thuần	Đội 2				36,8	
107	Đỗ Nguyên Tứ	Đội 2				36,8	
108	Nguyễn Văn Tính	Đội 2				18,4	
109	Đỗ Văn Hùng	Đội 2				27,6	
110	Dương Mạnh Hùng (Vinh)	Đội 2				18,4	
111	Đỗ Văn Quang	Đội 2				18,4	
112	Vũ Tất Liên (đã chết), vợ Vũ Thị Miền đang sử dụng	Đội 2				36,8	
113	Nguyễn Thị Huấn (đã chết), con Nguyễn Thị Yến đang sử dụng	Đội 2				9,2	
114	Vũ Tất Chính (đã chết), con dâu Trần Thị Kim Anh đang sử dụng	Đội 2				9,2	
115	Nguyễn Văn Hợi	Đội 3	37	137	LUC	1.033,4	
		Đội 3	37	147	LUC	164,6	
116	Nguyễn Văn Vượng	Đội 3	37	138	LUC	672,8	
		Đội 3	37	145	LUC	176,8	
117	Nguyễn Thị Mừng	Đội 3	37	139	LUC	982,2	
118	Nguyễn Văn Thăng (đã chết), vợ Trần Thị Nga đang sử dụng	Đội 3	37	140	LUC	682,3	
119	Bùi Thị Lựu	Đội 7	42	25	LUC	720,0	
	Bùi Thị Lựu	Đội 7	42	64	LUC	240,0	
	Bùi Thị Lựu	Đội 7	38	43	LUC	539,9	
	Bùi Thị Lựu	Đội 7	42	3	LUC	540,0	

Stt	Hộ gia đình, cá nhân	Đội sản xuất	Tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Loại đất dự kiến thu hồi	Diện tích dự kiến thu hồi theo trích lục địa chính (m2)	Ghi chú
120	Nguyễn Thị Tý	Đội 3	38	86	LUC	134,3	
	Nguyễn Thị Tý	Đội 3	42	3	LUC	383,1	
121	Đỗ Văn Khôi (Thu)	Đội 3	37	141	LUC	647,9	
		Đội 3	41	53	LUC	1.296,3	
122	Hà Văn Hợi (đã chết), vợ Nguyễn Thị Hằng đang sử dụng	Đội 3	37	142	LUC	621,2	
		Đội 3	38	85	LUC	65,7	
		Đội 3	42	18	LUC	611,9	
123	Nguyễn Văn Quy	Đội 3	37	143	LUC	1.114,5	
124	Hà Quang Thanh (đã chết), vợ Phạm Thị Nên đang sử dụng	Đội 3	37	144	LUC	1.293,6	
		Đội 3	39	1	LUC	435,0	
		Đội 3	43	10	LUC	140,3	
125	Phan Văn Hùng (đã chết), con Phan Mạnh Cường đang sử dụng	Đội 3	37	146	LUC	233,8	
		Đội 3	42	21	LUC	719,8	
126	Hà Quang Ái	Đội 3	37	148	LUC	1.302,1	
127	Hà Quang Đậm (Năm)	Đội 3	37	150	LUC	198,0	
	Hà Quang Đậm	Đội 3	43	9	LUC	612,0	
128	Trần Hữu Kế	Đội 3	37	151	LUC	1.338,1	
129	Lê Thị Nghĩa (đã chết), con Trần Thị Én đang sử dụng	Đội 3	37	152	LUC	246,0	
130	Phan Thị Phòng	Đội 3	37	156	LUC	1.098,5	
131	Phan Trần Thi (đã chết), vợ Trương Thị Phương đang sử dụng	Đội 3	41	70	LUC	647,9	
		Đội 3	43	22	LUC	168,0	
		Đội 3	37	1266 +1267	NKH +NTS	583,3	
132	Phan Văn Thuý	Đội 3	37	1266 +1267	NKH +NTS	468,0	
		Đội 3	41	5	LUC	1.086,5	
		Đội 3	41	55	LUC	103,0	
133	Hoàng Thị Minh	Đội 3	37	1268+ 1270	NTS +HNK	1.344,5	
134	Phạm Thị Chích 36m2; Trần Thị Mùi 360m2; Phan Thị Thái 324m2	Đội 3					

Stt	Hộ gia đình, cá nhân	Đội sản xuất	Tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Loại đất dự kiến thu hồi	Diện tích dự kiến thu hồi theo trích lục địa chính (m2)	Ghi chú
135	Phạm Thị Chích	Đội 3	41	9	LUC	139,5	
136	Nguyễn Văn Kỷ	Đội 3	42	39	LUC	1.223,9	
	Nguyễn Văn Kỷ	Đội 3	37	1269	NTS	724,9	
137	Nguyễn Văn Hải	Đội 3					
	Nguyễn Văn Hải	Đội 3	37	1271	NKH	1.008,6	
138	Nguyễn Văn Kỷ	Đội 3					
139	Nguyễn Văn Hân (đã chết), con Nguyễn Văn Hùng đang sử dụng	Đội 3					
140	Nguyễn Văn Hải	Đội 3	43	14	LUC	841,2	
141	Hà Quang Lịch (đã chết), vợ Hoàng Thị Phi đang sử dụng	Đội 3	38	39	LUC	673,7	
		Đội 3	42	23	LUC	564,2	
		Đội 3	43	30	LUC	40,3	
142	Phạm Thị Tỵ (đã chết), em là Phạm Thị Dậu đang sử dụng	Đội 3	38	83	LUC	272,7	
143	Nguyễn Văn Việt (đã chết), vợ Đào Thị Hảo đang sử dụng	Đội 3	38	84	LUC	91,3	
		Đội 3	41	71	LUC	180,0	
		Đội 3	43	6	LUC	691,8	
144	Nguyễn Văn Long	Đội 3	38	103	NTS	193,8	
		Đội 3	38	113	NKH	952,8	
145	Tống Thị Phương	Đội 3	42	46	LUC	120,0	
146	Trần Thị Phụng	Đội 3	38	104	NTS	369,9	
		Đội 3	38	114	NKH	1.001,3	
147	Nguyễn Văn Long	Đội 3	44	3	LUC	608,1	
148	Nguyễn Văn Long (Huyên)	Đội 3	38	118	NKH	718,8	
		Đội 3	42	61	LUC	815,9	
149	Hà Văn Húng (đã chết) con Hà Văn Toàn đang sử dụng	Đội 3	38	106+116	NTS+NKH	2.121,0	
150	Hạ Văn Thái	Đội 3	42	41	LUC	20,1	
151	Hạ Thị Chín	Đội 3	38	107+117	NTS+NKH	1.158,2	
152	Hạ Văn Mười	Đội 3					

Stt	Hộ gia đình, cá nhân	Đội sản xuất	Tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Loại đất dự kiến thu hồi	Diện tích dự kiến thu hồi theo trích lục địa chính (m2)	Ghi chú
153	Nguyễn Thị Hường (đã chết), con Nguyễn Thị Hằng đang sử dụng	Đội 3	38	108+119	NTS+NKH	1.529,8	
154	Nguyễn Văn Vượng (Khanh) (đã chết), vợ Trần Thị Kim Liên đang sử dụng	Đội 3					
	Nguyễn Văn Vượng (Khanh) (đã chết), vợ Trần Thị Kim Liên đang sử dụng	Đội 3	42	53	LUC	240,0	
155	Trần Hữu Tiếp	Đội 3	42	15	LUC	96,1	
	Trần Hữu Tiếp	Đội 3	38	109 +121	NTS+NKH	2.530,8	
156	Trần Thị Thân (Phi)	Đội 3					
	Trần Thị Mùi	Đội 3					
157	Ngô Thị Ngọ (đã chết), con Phạm Thế Sót đang sử dụng	Đội 3					
		Đội 3	42	45	LUC	18,4	
158	Trần Thị Mùi	Đội 3	42	43	LUC	2.628,3	
159	Đặng Thị Ngấn (đã chết), con Tống Văn Viềng đang sử dụng	Đội 3	42	45	LUC	18,4	
		Đội 3	42	33	LUC	12,1	
		Đội 3	43	7	LUC	522,1	
160	Tống Văn Vần	Đội 3	41	76	LUC	216,4	
	Tống Văn Vần	Đội 3	42	65	LUC	240,0	
161	Phạm Thị Lý	Đội 3	37	153	LUC	863,8	
	Phạm Thị Lý	Đội 3	42	72	LUC	180,0	
162	Nguyễn Đức Nhân (đã chết), con Nguyễn Thị Nghĩa đang sử dụng	Đội 3	43	20	LUC	540,1	
163	Hà Văn Mạnh (đã chết), vợ Nguyễn Thị Năm đang sử dụng (82,7m2)	Đội 3	38	110+122	NTS+NKH	2.639,1	
164	Võ Thị Hồng (6,7m2)	Đội 3					
165	Hà Văn Mùi (đã chết), vợ Nguyễn Thị Vân đang sử dụng	Đội 3	42	40	LUC	822,0	
			43	16	LUC	539,9	
166	Hạ Văn Dần (Thái)	Đội 3	38	105+115	NTS+NKH	1.100,5	
167	Hà Văn Mạnh (đã chết), vợ Nguyễn Thị Năm đang sử dụng	Đội 3	42	16	LUC	792,0	
168	Phan Thị Minh Thái	Đội 3	37	157	LUC	204,1	
		Đội 3	41	62	LUC	720,0	
		Đội 3					

Stt	Hộ gia đình, cá nhân	Đội sản xuất	Tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Loại đất dự kiến thu hồi	Diện tích dự kiến thu hồi theo trích lục địa chính (m2)	Ghi chú
		Đội 3	38	111+123	NTS+NKH	975,4	
		Đội 3					
169	Võ Thị Hồng	Đội 3	42	26	LUC	540,0	
170	Trần Thị Mùi 332,5m2 Tống Thị Phương 20m2;	Đội 3	38	112+71	LUC +NKH	813,2	
171	Nguyễn Văn Bình	Đội 3					
		Đội 3	41	64	LUC	120,1	
172	Trần Thị Thân	Đội 3	42	48	LUC	869,9	
173	Nguyễn Đức Nhân (đã chết), con Nguyễn Minh Giám đang sử dụng (15,9m2)	Đội 3	38	120+124	NKH+NTS	1.064,4	
174	Phạm Thị Lý (986,4m2)	Đội 3					
		Đội 3					
175	Nguyễn Văn Thịnh	Đội 3	41	63	LUC	570,0	
		Đội 3	44	1	LUC	18,4	
176	Phạm Thị Mão	Đội 3	39	2	LUC	252,5	
		Đội 3	42	45	LUC	9,2	
177	Hà Quang Đăng	Đội 3	41	1	LUC	748,9	
		Đội 3	42	24	LUC	799,9	
178	Bùi Đức Dũng	Đội 3	41	2	LUC	719,6	
		Đội 3	42	31	LUC	522,1	
179	Phạm Thị Nệm (Biền) (đã chết), con Nguyễn Công Thụ đang sử dụng	Đội 3	41	4	LUC	1.401,2	
180	Nguyễn Thị Hiền (đã chết), con Nguyễn Văn Thắng đang sử dụng	Đội 3	41	7	LUC	347,3	
		Đội 3	44	1	LUC	9,2	
181	Nguyễn Thị Thoa (Khoa) (đã chết), con gái Trần Thị Dung đang sử dụng	Đội 3	41	10	LUC	504,8	
182	Đào Văn Sơn (đã chết), con Đào Thị Lan Phương đang sử dụng	Đội 3	41	54	LUC	360,0	
		Đội 3	42	37	LUC	720,0	
		Đội 3	42	63	LUC	179,9	
183	Nguyễn Thị Lý	Đội 3	41	29	LUC	1.680,2	
184	Phạm Đức Vượng	Đội 3	41	59	LUC	714,1	
185	Phan Thị Thêm (tức Hường)	Đội 3	41	60	LUC	1.007,8	
		Đội 3	43	21	LUC	180,6	
	Hoàng Văn Chất (đã chết), Tống Thị A (đã chết); con	Đội 3	41	69	LUC	768,1	

Stt	Hộ gia đình, cá nhân	Đội sản xuất	Tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Loại đất dự kiến thu hồi	Diện tích dự kiến thu hồi theo trích lục địa chính (m2)	Ghi chú
186	Hoàng Văn Chất (đã chết), Tống Thị A (đã chết), con Hoàng Văn Lượng đang sử dụng	Đội 3	44	1	LUC	18,4	
187	Trần Hữu Tấn	Đội 3	42	6	LUC	834,8	
188	Tống Thị Tỳ (đã chết), con Tô Thị Tuyết Mai đang sử dụng	Đội 3	42	7	LUC	1.260,0	
189	Nguyễn Trọng Thể	Đội 3	42	8	LUC	1.410,3	
190	Hoàng Văn Cảnh	Đội 3	42	10	LUC	528,8	
	Hoàng Văn Cảnh	Đội 3	42	9	LUC	36,8	
191	UBND phường	Đội 3				139,5	
192	Hoàng Văn Mạnh	Đội 3	42	11	LUC	1.080,1	
	Hoàng Văn Mạnh	Đội 3	42	14	LUC	563,9	
193	Hà Văn Cam (đã chết), con Hà Thị Tám đang sử dụng	Đội 3	42	17	LUC	90,2	
		Đội 3	43	13	LUC	175,4	
194	Hà Văn Bảy	Đội 3	42	20	LUC	485,9	
195	Tống Thị Liên (đã chết), con Nguyễn Thị Lượng đang sử dụng	Đội 3	42	27	LUC	360,1	
		Đội 3	42	29	LUC	60,0	
		Đội 3	42	45	LUC	9,2	
196	Tống Xuân Hoạt (đã chết), con Tống Quang Huy đang sử dụng	Đội 3	42	30	LUC	525,1	
		Đội 3	42	71	LUC	735,4	
197	Trần Thị Dần	Đội 3	42	32	LUC	1.381,5	
198	Đỗ Thị Bình (đã chết), con Tống Văn Tuyến đang sử dụng	Đội 3	42	35	LUC	840,1	
199	Nguyễn Văn Thanh (đã chết), vợ Lê Thị Tuyết đang sử dụng	Đội 3	42	36	LUC	1.703,9	
200	Đỗ Thị Hợp	Đội 3	42	42	LUC	420,5	
201	Tống Văn Tiện	Đội 3	42	44	LUC	1.188,0	
202	Lê Thị Liễu (đã chết), con Nguyễn Dương Bình đang sử dụng	Đội 3	42	45	LUC	9,2	
203	Nguyễn Văn Phú	Đội 3	42	45	LUC	9,2	
		Đội 3	42	54	LUC	59,8	
204	Tống Thị Nhung	Đội 3	42	47	LUC	810,8	
205	Phạm Thị Bình	Đội 3	42	50	LUC	1.284,1	

Stt	Hộ gia đình, cá nhân	Đội sản xuất	Tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Loại đất dự kiến thu hồi	Diện tích dự kiến thu hồi theo trích lục địa chính (m2)	Ghi chú
206	Nguyễn Thị Năm	Đội 3	42	51	LUC	570,0	
207	Nguyễn Thị Mỳ	Đội 3	42	52	LUC	1.295,9	
		Đội 3	42	66	LUC	1.367,8	
208	Phạm Văn Mẫn	Đội 3	42	57	LUC	1.334,3	
209	Nguyễn Ngọc Chiến	Đội 3	42	60	LUC	840,0	
210	Vũ Thị Đại	Đội 3	42	67	LUC	378,0	
211	Trần Thị Tý (đã chết), con Nguyễn Minh Tân đang sử dụng	Đội 3	43	8	LUC	360,0	
		Đội 3	44	1	LUC	9,2	
212	Nguyễn Thị Bé (đã chết), con Nguyễn Văn Bình đang sử dụng	Đội 3	43	12	LUC	130,5	
213	Bùi Thị Hiên (đã chết), con Nguyễn Văn Sinh đang sử dụng	Đội 3	43	18	LUC	540,0	
214	Phan Văn Đích (đã chết), con là Phan Văn Thúy đang sử dụng	Đội 3	43	28	LUC	72,8	
215	Tống Văn Tuấn	Đội 3	44	1	LUC	18,4	
		Đội 3	44	2	LUC	524,5	
216	Hoàng Văn Súy (đã chết), cháu nội Hoàng Văn Thành đang sử dụng	Đội 3	44	1	LUC	9,2	
		Đội 3	42	62	LUC	65,3	
217	Đồng Thị Tâm	Đội 3	41	30	LUC	419,8	
218	Nguyễn Văn Minh (đã chết), vợ là bà Phạm Thị Đào đang sử dụng	Đội 3	42	68	LUC	1.079,9	
219	UBND phường		44	1	LUC	13,4	
220	UBND phường		42	45	LUC	269,2	
221	Trần Văn Ngôn (đã chết), con Trần Thị Hoa Mai đang sử dụng	Đội 4	37	155	LUC	984,1	
		Đội 4	38	66	LUC	18,4	
222	Nguyễn Văn Ngừng	Đội 4	38	40	LUC	1.437,3	
		Đội 4	38	44	LUC	338,7	
		Đội 4	38	66	LUC	46,0	
223	Tống Văn Hải	Đội 4	38	41	LUC	1.824,0	
		Đội 4	38	54	LUC	36,8	
224	Nguyễn Thị Châu	Đội 4	38	66	LUC	27,6	
		Đội 4	38	46	LUC	1.080,0	
225	Vũ Văn Yết (đã chết), con Vũ Đức Đại đang sử dụng	Đội 4	38	55	LUC	1.044,8	

Stt	Hộ gia đình, cá nhân	Đội sản xuất	Tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Loại đất dự kiến thu hồi	Diện tích dự kiến thu hồi theo trích lục địa chính (m2)	Ghi chú
		Đội 4	43	4	LUC	336,0	
		Đội 4	38	51	LUC	73,6	
226	Nguyễn Thị Út	Đội 4	38	47	LUC	240,1	
227	Hoàng Văn Tuấn (đã chết), vợ Đỗ Thị Kim Tuyến đang sử dụng	Đội 4	38	48	LUC	504,0	
		Đội 4	38	75	LUC	42,0	
		Đội 4	38	51	LUC	27,6	
228	Nguyễn Thị Yến	Đội 4	38	49	LUC	294,0	
229	Nguyễn Thị Lan	Đội 4	38	50	LUC	714,0	
		Đội 4	38	51	LUC	18,4	
230	Tống Văn Mây, Vũ Thị Mạng	Đội 4	38	52	LUC	492,1	
	Tống Văn Mây, Vũ Thị Mạng	Đội 4	38	51	LUC	9,2	
231	Trần Thị Thu	Đội 4	38	56	LUC	1.289,8	
		Đội 4	38	72	LUC	108,0	
232	Nguyễn Trọng Mùi	Đội 4	38	57	LUC	1.260,5	
		Đội 4	38	61	LUC	216,0	
		Đội 4	43	1	LUC	192,1	
		Đội 4	38	66	LUC	27,6	
233	Nguyễn Thị Hằng	Đội 4	38	58	LUC	1.553,5	
		Đội 4	38	59	LUC	342,7	
		Đội 4	38	66	LUC	36,8	
234	Nguyễn Văn Mùi (đã chết), con Nguyễn Văn Chiến đang sử dụng	Đội 4	38	60	LUC	207,4	
		Đội 4	38	66	LUC	18,4	
235	Nguyễn Thị La	Đội 4	38	62	LUC	864,6	
		Đội 4	38	80	LUC	84,0	
		Đội 4	38	51	LUC	46,0	
		Đội 4	41	57	LUC	72,0	
		Đội 4	39	39	LUC	436,3	
236	Đào Thị Lan	Đội 4	38	63	LUC	926,6	
		Đội 4	38	79	LUC	108,0	
		Đội 4	38	66	LUC	27,6	
237		Đội 4	38	64	LUC	902,9	
		Đội 4	43	5	LUC	84,0	
	Vũ Thành Đô	Đội 4	38	51	LUC	18,4	
238	Tống Văn Lưu	Đội 4	38	65	LUC	636,1	
		Đội 4	38	71	LUC	360,1	
		Đội 4	38	54	LUC	36,8	
239	Nguyễn Văn Sinh (đã chết), vợ Nguyễn Thị Hòa đang sử dụng	Đội 4	38	67	LUC	270,2	
		Đội 4	39	4	LUC	1.285,8	
		Đội 4	38	66	LUC	82,8	
		Đội 4	42	9	LUC	181,8	
240	Hoàng Đa Ngưu (đã chết), con Hoàng Xuân Dương	Đội 4	38	68	LUC	251,8	

Stt	Hộ gia đình, cá nhân	Đội sản xuất	Tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Loại đất dự kiến thu hồi	Diện tích dự kiến thu hồi theo trích lục địa chính (m2)	Ghi chú
240	đang sử dụng	Đội 4	38	66	LUC	55,2	
241	Nguyễn Trọng Loan (đã chết), con Nguyễn Xuân Trường đang sử dụng	Đội 4	38	69	LUC	228,1	
		Đội 4	38	77	LUC	172,8	
242	Nguyễn Văn Dỹ (đã chết), vợ Trần Thị Hạ đang sử dụng	Đội 4	38	73	LUC	107,1	
243	Tống Văn Duyệt (đã chết), cháu Tống Thị Mơ đang sử dụng	Đội 4	38	76	LUC	984,9	
		Đội 4	38	54	LUC	18,4	
244	Tống Văn Mọc	Đội 4	39	3	LUC	1.122,1	
		Đội 4	38	51	LUC	36,8	
245	Phạm Văn Khương	Đội 4	39	6	LUC	29,4	
246	Vũ Thị Choát (đã chết), con Nguyễn Hoàng Hanh đang sử dụng	Đội 4	43	2	LUC	186,1	
247	Nguyễn Ngọc Cương, Nguyễn Ngọc Kiên	Đội 4	43	3	LUC	979,9	
		Đội 4	38	66	LUC	18,4	
248	Phạm Văn Phấn (đã chết), con Phạm Văn Trung đang sử dụng	Đội 4	38	42	LUC	36,8	
249	Phạm Văn Khởi	Đội 4	38	42	LUC	36,8	
250	Phạm Văn Thanh	Đội 4	38	42	LUC	36,8	
251	Phạm Văn Phát	Đội 4	38	42	LUC	36,8	
252	Tống Thị Thê	Đội 4	38	42	LUC	46,0	
253	Bùi Thị Khanh (đã chết), con Hà Văn Khang đang sử dụng	Đội 4	38	42	LUC	73,6	
254	Phạm Văn Nghĩa	Đội 4	38	42	LUC	9,2	
255	Phạm Thị Dung	Đội 4	38	51	LUC	36,8	
256	Đào Thị Ngọ (đã chết), con Phạm Văn Tình đang sử dụng	Đội 4	38	51	LUC	27,6	
257	Nguyễn Thị Thúy	Đội 4	38	51	LUC	27,6	
258	Hoàng Thị Liên	Đội 4	38	51	LUC	27,6	
259	Lưu Thị Điền (Tuyền)	Đội 4	38	51	LUC	18,4	
260	Nguyễn Thị Lý	Đội 4	38	51	LUC	18,4	
261	Trần Văn Kính (đã chết), vợ Nguyễn Thị Ngọc đang sử dụng	Đội 4	38	51	LUC	46,0	
262	Vũ Văn Quý (đã chết), vợ Tống Nguyễn Thị Quý đang sử dụng	Đội 4	38	51	LUC	55,2	
263	Trần Thị Lễ	Đội 4	38	51	LUC	18,4	

Stt	Hộ gia đình, cá nhân	Đội sản xuất	Tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Loại đất dự kiến thu hồi	Diện tích dự kiến thu hồi theo trích lục địa chính (m2)	Ghi chú
264	Trần Ngọc Tảo (đã chết), vợ Trương Thị Mai Phương đang sử dụng	Đội 4	38	51	LUC	46,0	
265	Phạm Thị Thái	Đội 4	38	51	LUC	27,6	
266	UBND phường Trần Lãm	Đội 4	38	51	LUC	27,6	
267	Phạm Văn Thục	Đội 4	38	51	LUC	27,6	
268	Phạm Văn Đắc (đã chết), con Phạm Thị Hoàng Anh đang sử dụng	Đội 4	38	51	LUC	27,6	
269	Vũ Văn Đông	Đội 4	38	51	LUC	27,6	
270	Trần Anh Ba (đã chết), em Trần Thị Thúy đang sử dụng	Đội 4	38	53	LUC	46,0	
271	Nguyễn Văn Đãi (đã chết), con Nguyễn Văn Quy đang sử dụng	Đội 4	38	53	LUC	27,6	
272	Vũ Công Minh (tức Phượng)	Đội 4	38	53	LUC	36,8	
273	Trần Văn Tường (đã chết), vợ Vũ Thị Thìn đang sử dụng	Đội 4	38	54	LUC	27,6	
274	Nguyễn Đức Tuất (đã chết), con Nguyễn Đức Huy đang sử dụng	Đội 4	38	54	LUC	27,6	
275	Trần Văn Trung	Đội 4	38	54	LUC	46,0	
276	Phạm Văn Thiều (đã chết), con Phạm Thị Sinh đang sử dụng	Đội 4	38	54	LUC	27,6	
277	Nguyễn Văn Tiếp (đã chết), vợ Hà Thị Gái đang sử dụng	Đội 4	38	54	LUC	46,0	
278	Nguyễn Văn Quế	Đội 4	38	54	LUC	36,8	
279	Nguyễn Thị Mến (Điều)	Đội 4	38	54	LUC	27,6	
280	Nguyễn Đức Hòa	Đội 4	38	54	LUC	27,6	
281	Phạm Thị Hoa	Đội 4	38	54	LUC	27,6	
282	Phạm Văn Đại (đã chết), vợ Đào Thị Lựu đang sử dụng	Đội 4	38	54	LUC	27,6	
283	Phạm Văn Hùng	Đội 4	38	66	LUC	46,0	
284	Nguyễn Thị Hè (đã chết), con Phạm Xuân Thắng sử dụng	Đội 4	38	66	LUC	27,6	
285	Nguyễn Văn Chính (đã chết), vợ Trần Thị Lý đang sử dụng	Đội 4	38	66	LUC	46,0	
286	Nguyễn Xuân Thắng (đã chết), con Nguyễn Thị Anh Thư đang sử dụng	Đội 4	38	66	LUC	27,6	
287	Nghiêm Thị Đôn	Đội 4	38	66	LUC	27,6	

Stt	Hộ gia đình, cá nhân	Đội sản xuất	Tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Loại đất dự kiến thu hồi	Diện tích dự kiến thu hồi theo trích lục địa chính (m2)	Ghi chú
288	Vũ Văn Yêm	Đội 4	38	66	LUC	27,6	
289	Lê Thị Ty (đã chết), con Phạm Văn Chính đang sử dụng	Đội 4	38	66	LUC	27,6	
290	Vũ Nga Mỳ	Đội 4	38	66	LUC	36,8	
291	Nguyễn Thị Hà	Đội 4	38	66	LUC	27,6	
292	Bùi Thị Thanh Hương	Đội 4	38	66	LUC	27,6	
293	Nguyễn Hữu Triều	Đội 4	38	66	LUC	36,8	
294	Tống Duy Cơ	Đội 4	42	49	LUC	27,6	
295	Phạm Văn Hài (đã chết), con Phạm Thị Nga đang sử dụng	Đội 4	42	49	LUC	18,4	
296	Trần Dũng Tiến (đã chết), vợ Phạm Thị Dần đang sử dụng	Đội 4	42	49	LUC	73,6	
297	Nguyễn Văn Thử (đã chết), vợ Nguyễn Thị Sớm đang sử dụng	Đội 4	42	49	LUC	36,8	
298	Vũ Xuân Trình (đã chết), con Vũ Thị Anh Đào đang sử dụng	Đội 4	42	49	LUC	27,6	
299	Nguyễn Thị Cần	Đội 4	42	49	LUC	9,2	
300	Nguyễn Đức Tuấn	Đội 4	42	49	LUC	18,4	
301	Phạm Văn Phong	Đội 4	42	49	LUC	64,4	
302	Lê Thị Nghiêm (đã chết), con Hoàng Ngọc Hải đang sử dụng	Đội 4	42	49	LUC	9,2	
303	Hoàng Ngọc Hải	Đội 4	42	49	LUC	36,8	
304	Hoàng Ngọc Dương	Đội 4	42	49	LUC	46,0	
305	Nguyễn Đức Hải	Đội 5	41	12	LUC	71,0	
306	Phạm Văn Hùng	Đội 5	41	13	LUC	180,2	
307	Phạm Văn Phùng (đã chết), con Phạm Thế Dũng đang sử dụng	Đội 5	41	14	LUC	47,9	
		Đội 5	41	57	LUC	46,0	
308	Đào Văn Phượng	Đội 5	41	15	LUC	35,9	
	Đào Văn Phượng	Đội 5	41	57	LUC	27,6	
309	Đặng Xuân Bá	Đội 5	41	16	LUC	72,0	
310	Lê Văn Sơn	Đội 5	41	17	LUC	120,1	
311	Phạm Thị Nhiễu	Đội 5	41	18	LUC	71,7	

Stt	Hộ gia đình, cá nhân	Đội sản xuất	Tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Loại đất dự kiến thu hồi	Diện tích dự kiến thu hồi theo trích lục địa chính (m2)	Ghi chú
312	Nguyễn Văn An (đã chết), con Nguyễn Văn Sáu đang sử dụng	Đội 5	41	19	LUC	35,0	
		Đội 5	41	57	LUC	46,0	
313	Đỗ Thị Khởi (đã chết) con Đỗ Thanh Sơn đang sử dụng	Đội 5	41	20	LUC	210,1	
314	Nguyễn Xuân Kỳ	Đội 5	41	21	LUC	168,1	
315	Vũ Minh Hải (đã chết) con Vũ Minh Hiệu đang sử dụng	Đội 5	41	22	LUC	77,9	
		Đội 5	41	57	LUC	36,8	
316	Trần Thị Thêm	Đội 5	41	23	LUC	6,0	
317	Vũ Văn Trình (đã chết), con Vũ Mạnh Tuấn đang sử dụng	Đội 5	41	24	LUC	24,2	
318	Nguyễn Văn Hải	Đội 5	41	25	LUC	300,0	
	Nguyễn Văn Hải	Đội 5	41	57	LUC	46,0	
319	Nguyễn Thị Hiên	Đội 5	41	26	LUC	47,9	
320	Nguyễn Đức Cẩn	Đội 5	41	27	LUC	36,0	
321	Vũ Văn Đáp (đã chết) vợ Phạm Thị Liên đang sử dụng	Đội 5	41	42	LUC	11,9	
322	Nguyễn Văn Chắc (đã chết), con Nguyễn Thành Long đang sử dụng	Đội 5	41	43	LUC	180,3	
323	Trần Thị Hạnh	Đội 5	41	44	LUC	119,9	
		Đội 5	41	57	LUC	18,4	
324	Khiếu Thị Thủy Chung	Đội 5	41	45	LUC	240,1	
		Đội 5	41	57	LUC	36,8	
325	Bùi Văn Mộc (đã chết), Trần Thị Minh (đã chết) con Bùi Hùng Anh đang sử dụng	Đội 5	41	46	LUC	119,9	
		Đội 5	41	57	LUC	18,4	
326	Nguyễn Thị Thao (đã chết), con Nguyễn Thị Chiến đang sử dụng	Đội 5	41	47	LUC	96,2	
		Đội 5	41	57	LUC	36,8	
327	Nguyễn Thị Bé (đã chết), chồng Trần Văn Hạt đang sử dụng	Đội 5	41	48	LUC	180,0	
		Đội 5	41	57	LUC	27,6	
328	Bùi Thị Gắt	Đội 5	41	49	LUC	71,9	
329	Đỗ Nguyên Tòng (đã chết), vợ Phạm Thị Tý đang sử dụng	Đội 5	41	50	LUC	110,0	
330	Phạm Thế Dương (đã chết), vợ Bùi Thị Tơ đang sử dụng	Đội 5	41	51	LUC	180,1	
331	Nguyễn Văn Tường (đã chết), vợ Lê Thị Mít đang sử dụng	Đội 5	41	57	LUC	46,0	
332	Bùi Thị Tý (đã chết) con gái Nguyễn Thị Tèo đang sử dụng	Đội 5	41	57	LUC	9,2	

Stt	Hộ gia đình, cá nhân	Đội sản xuất	Tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Loại đất dự kiến thu hồi	Diện tích dự kiến thu hồi theo trích lục địa chính (m2)	Ghi chú
333	Đào Văn Thực	Đội 5	41	57	LUC	36,8	
334	Đào Văn Hùng	Đội 5	41	57	LUC	46,0	
335	Đào Văn Toản	Đội 5	41	57	LUC	18,4	
336	Vũ Văn Hoán (đã chết), con Vũ Văn Tân đang sử dụng	Đội 5	41	57	LUC	36,8	
337	Phạm Thị Hoa	Đội 5	41	57	LUC	64,4	
338	Hoàng Thị Chất (đã chết) cháu nội Nguyễn Hữu Cường đang sử dụng	Đội 5	41	57	LUC	27,6	
339	Bùi Thị Liên (đã chết) con Nguyễn Đỗ Biên đang sử dụng	Đội 5	41	57	LUC	27,6	
340	Phạm Đức Lợi (đã chết), con Phạm Đức Lộc đang sử dụng	Đội 5	41	57	LUC	27,6	
341	Trần Thị Thảo	Đội 5	41	57	LUC	27,6	
342	Nguyễn Thị Nhâm (đã chết) con Bùi Thị Lan đang sử dụng	Đội 5	41	57	LUC	18,4	
343	Lại Thị Mão (đã chết) con Đỗ Văn Hưng đang sử dụng	Đội 5	41	57	LUC	27,6	
344	Nguyễn Văn Ân (đã chết), cháu Nguyễn Quốc Huy đang sử dụng	Đội 5	41	57	LUC	18,4	
345	Vũ Văn Hữu (đã chết), con Vũ Thị Thường đang sử dụng	Đội 5	41	65	LUC	2.665,9	
346	Phạm Văn Xuyên	Đội 6				55,2	
347	Phạm Thanh Long	Đội 6				27,6	
348	Phạm Thị Kim Lan	Đội 6				27,6	
349	Nguyễn Đức Tính (đã chết), vợ Nguyễn Thị Hải đang sử dụng	Đội 6				46,0	
350	Nguyễn Thị Hà	Đội 6				18,4	
351	Bùi Thị Huệ (đã chết), con Nguyễn Văn Trường đang sử dụng	Đội 6				9,2	
352	Phạm Thị Đắc	Đội 6				46,0	
353	Phạm Thị Gái (đã chết), con Nguyễn Thị Thoa đang sử dụng	Đội 6				27,6	
354	Phạm Văn Hinh (đã chết), vợ Vũ Thị Thoa đang sử dụng	Đội 6				46,0	
355	Nguyễn Thị Lái (đã chết), con Ngô Văn Cường đang sử dụng	Đội 6				27,6	
356	Nguyễn Thị Được	Đội 6				27,6	
357	Vũ Văn Vinh (đã chết), vợ Nguyễn Thị An đang sử dụng	Đội 6				46,0	

Stt	Hộ gia đình, cá nhân	Đội sản xuất	Tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Loại đất dự kiến thu hồi	Diện tích dự kiến thu hồi theo trích lục địa chính (m2)	Ghi chú
358	Vũ Đức Quynh (đã chết), vợ Đỗ Thị Cúc đang sử dụng	Đội 6				55,2	
359	Vũ Thị Vân (đã chết), con Đỗ Thị Hằng đang sử dụng	Đội 6				55,2	
360	Đỗ Thị Ninh	Đội 6				27,6	
361	Đỗ Trọng Hưng (đã chết), vợ Dương Thị Thúy đang sử dụng	Đội 6				27,6	
362	Phạm Văn Khoa	Đội 6				36,8	
363	Lê Thị Quế (Thìn) đã chết, con Đào Văn Tố đang sử dụng	Đội 6				9,2	
364	Đào Văn Tố	Đội 6				36,8	
365	Nguyễn Thị Thược (Diên) đã chết, con Đào Thanh Sơn đang sử dụng	Đội 6				18,4	
366	Đào Quang Tiến	Đội 6				18,4	
367	Đào Văn Nga (đã chết), vợ Nguyễn Thị Nhung đang sử dụng	Đội 6				55,2	
368	Đào Quang Diễn	Đội 6				36,8	
369	Nguyễn Hữu Ngọc (đã chết), vợ Phạm Thị Bình đang sử dụng	Đội 6	41	33	LUC	18,4	
370	Phạm Thị Tuyến	Đội 6				55,2	
371	Vũ Hải Long	Đội 6				18,4	
372	Đào Quang Tinh (đã chết), vợ Nguyễn Thị Tuyết đang sử dụng	Đội 6				36,8	
373	Phạm Văn Mậu (đã chết), con Phạm Văn Anh đang sử dụng	Đội 6				46,0	
374	Phạm Văn Quang	Đội 6				36,8	
375	Vũ Thị Đắc (đã chết), cháu Nguyễn Bùi Tiến Lâm đang sử dụng	Đội 6				18,4	
376	Phạm Thị Tám	Đội 6				27,6	
377	Nguyễn Văn Khiết (đã chết), vợ Bùi Thị Hiên đang sử dụng	Đội 6				36,8	
378	Vũ Thị Mùi (Tưởng) đã chết, con Phạm Văn Tho đang sử dụng	Đội 6				9,2	
379	Phạm Văn Tho	Đội 6				27,6	
380	Phạm Thị Miền	Đội 6				9,2	
381	Nguyễn Văn Trường	Đội 6				36,8	
382	Đào Quang Thắng (đã chết), vợ Lê Thị Cài đang sử dụng	Đội 6				46,0	
383	Phạm Thị Thảo (đã chết), con Nguyễn Thị Huyền đang sử dụng	Đội 6				18,4	

Stt	Hộ gia đình, cá nhân	Đội sản xuất	Tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Loại đất dự kiến thu hồi	Diện tích dự kiến thu hồi theo trích lục địa chính (m2)	Ghi chú
384	Đặng Thị Hợi (đã chết), con Nguyễn Văn Vượng đang sử dụng	Đội 6				9,2	
385	Nguyễn Văn Phượng	Đội 6				18,4	
386	Bùi Xuân Ngoạn (đã chết), con Bùi Xuân Hùng đang sử dụng	Đội 6				46,0	
387	Nguyễn Thị Liệu (đã chết), con Nguyễn Việt Vương đang sử dụng	Đội 6				18,4	
388	Nguyễn Công Bình	Đội 6				9,2	
389	Bùi Văn Việt (đã chết), con Bùi Thị Hương đang sử dụng	Đội 6				46,0	
390	Phạm Văn Liễn (đã chết), con Phạm Văn Cường đang sử dụng	Đội 6				55,2	
391	Phạm Thị Nga	Đội 6				27,6	
392	Vũ Thị Huấn (đã chết), con Lê Thị Ngọc đang sử dụng	Đội 6				9,2	
393	UBND phường	Đội 6				55,1	
394	Phạm Hữu Nghị	Đội 6				81,8	
395	Đào Thị Sùng (đã chết), con Ngô Thị Dung đang sử dụng	Đội 6				18,4	
396	Nguyễn Thị Hai (đã chết), con Nguyễn Văn Hợp đang sử dụng	Đội 6				9,2	
397	Nguyễn Thị Thừa (đã chết), con dâu Trần Thị Bầy đang sử dụng	Đội 6				9,2	
398	Nguyễn Văn Vẻ (đã chết), con Nguyễn Thị Mười đang sử dụng	Đội 6				27,6	
399	Nguyễn Văn Hoằng	Đội 6				36,8	
400	Phạm Như Tùy	Đội 6				46,0	
401	Phạm Văn Lưu (đã chết), vợ Đặng Thị Thêm đang sử dụng	Đội 6				36,8	
402	Đào Văn Thạnh (đã chết), con Đào Mạnh Hà đang sử dụng	Đội 6				18,4	
403	Lại Thị Tuất (đã chết), cháu Đào Quang Tuấn đang sử dụng	Đội 6				27,6	
404	Nguyễn Văn Hoan	Đội 6				27,6	
405	Vũ Thị Chất (đã chết), con dâu Nguyễn Thị Oanh đang sử dụng	Đội 6				46,0	
406	Phạm Thị Tép (đã chết) con dâu Đào Thị Hinh đang sử dụng	Đội 6				46,0	
407	Nguyễn Thị Huy (đã chết), con Nguyễn Mạnh Toản đang sử dụng	Đội 6				46,0	
408	Phạm Thị Lan	Đội 6				27,6	

Stt	Hộ gia đình, cá nhân	Đội sản xuất	Tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Loại đất dự kiến thu hồi	Diện tích dự kiến thu hồi theo trích lục địa chính (m2)	Ghi chú
409	Nguyễn Văn Toản	Đội 6				46,0	
410	Nguyễn Văn Sung (đã chết), vợ Trần Thị Thanh	Đội 6				55,2	
411	Vũ Thị Hoa (Lợi)	Đội 6				18,4	
412	Phạm Văn Thùy (đã chết), vợ Lê Thị Hằng đang sử dụng	Đội 6				36,8	
413	Phạm Thị Dung	Đội 6				27,6	
414	Nguyễn Thị Cộng	Đội 6				18,4	
415	Phạm Văn Hồng, Phạm Thị Báu (đều đã chết), con Phạm Quốc Việt đang sử dụng	Đội 6				18,4	
416	Phạm Thị Thọ (đã chết), con Bùi Văn Tuyên đang sử dụng	Đội 6				9,2	
417	Lê Văn Tân (đã chết), cháu Lê Quang Đạo đang sử dụng	Đội 6				18,4	
418	Đào Thị Ngoan	Đội 6				36,8	
419	Nguyễn Văn Bình	Đội 6				36,8	
420	Phạm Thị Dự (đã chết), con Nguyễn Văn Hòa đang sử dụng	Đội 6	41	66	LUC	64,4	
421	Đỗ Thị Sót	Đội 6				18,4	
422	Nguyễn Văn Thanh (Nhuần)	Đội 6				18,4	
423	Nguyễn Thị Kim (đã chết), con Nguyễn Thị Oanh đang sử dụng	Đội 6				36,8	
424	Trần Thị Huệ	Đội 6				36,8	
425	Vũ Tất Hậu	Đội 6				46,0	
426	Nguyễn Văn Bình (đã chết), con Nguyễn Thanh Hải đang sử dụng	Đội 6				27,6	
427	Nguyễn Mạnh Dần	Đội 6				18,4	
428	Bùi Đức Toàn	Đội 6				9,2	
429	Ngô Thị Sim	Đội 6				9,2	
430	Nguyễn Phi Tôn	Đội 6				18,4	
431	Nguyễn Thị Hà	Đội 6				27,6	
432	Nguyễn Thị Lan	Đội 6				27,6	
433	Vũ Thị Minh Nguyệt	Đội 6				27,6	
434	Nguyễn Hữu Phú	Đội 6				36,8	
435	Nguyễn Thị Dần (đã chết), con gái Bùi Thị Nhắt đang sử dụng	Đội 6				9,2	
436	Vũ Thị Vy (đã chết), con gái Trần Thị Thường đang sử dụng	Đội 6				9,2	

Stt	Hộ gia đình, cá nhân	Đội sản xuất	Tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Loại đất dự kiến thu hồi	Diện tích dự kiến thu hồi theo trích lục địa chính (m2)	Ghi chú
437	Nguyễn Thị Gái (đã chết), cháu Bùi Văn Chì đang sử dụng	Đội 6				9,2	
438	Phạm Văn Hữu (đã chết), con Phạm Nam Khánh đang sử dụng	Đội 6				18,4	
439	Nguyễn Văn Cúc (đã chết), con Nguyễn Văn Cương đang sử dụng	Đội 6				9,2	
440	Nguyễn Văn Mùi (đã chết), ông Nguyễn Văn Đăng đang sử dụng	Đội 6				18,4	
441	Nguyễn Ngọc Dậu (đã chết) vợ Nguyễn Thi Sinh đang sử dụng	Đội 6				18,4	
442	Nguyễn Ngọc Quỳnh (đã chết) con Nguyễn Ngọc Duy đang sử dụng	Đội 6				18,4	
443	Vũ Thị Sửu (đã chết)	Đội 6				9,2	
444	Nguyễn Thị Hiền	Đội 6				36,8	
445	Ngô Văn Tiến	Đội 6				55,2	
446	Nguyễn Công Hồng	Đội 6				18,4	
447	Trần Thị Ngái	Đội 6				9,2	
448	UBND phường	Đội 6				221,2	
449	Phạm Thị Vân	Đội 7				55,2	
450	Nguyễn Minh Hiếu	Đội 7				27,6	
451	Nguyễn Văn Minh (Út)	Đội 7				36,8	
452	Hà Thị Mùi (đã chết), cháu Vũ Thị Thái Anh đang sử dụng	Đội 7				27,6	
453	Nguyễn Thị Nhàn (đã chết) con dâu Trương Thị Mến đang sử dụng	Đội 7				36,8	
454	Phạm Đức Ruệ (đã chết), con Phạm Văn Đức đang sử dụng	Đội 7				36,8	
455	Đào Thị Thoa	Đội 7				126,4	
456	Phí Thị Huyền, Phí Văn Toản, Phí Văn Quảng, Tống Mỹ Linh	Đội 7				36,8	
457	Tống Thị Nhu	Đội 7				27,6	
458	Nguyễn Thị Mận (đã chết), con Đào Văn Tưởng đang sử dụng	Đội 7	38	81	LUC	27,6	
459	Vũ Thị Chanh	Đội 7				27,6	
460	Nguyễn Xuân Mùi	Đội 7				18,4	
461	Đào Thị The (đã chết) con trai Phạm Đình Thuần đang sử dụng	Đội 7				27,6	
462	Đỗ Thị Hấp (đã chết), con dâu Hoàng Thị Sinh đang sử dụng	Đội 7				9,2	
463	Nguyễn Thị Sáu	Đội 7				18,4	
464	Lê Thị Tỵ (Lễ)	Đội 7				9,2	

Stt	Hộ gia đình, cá nhân	Đội sản xuất	Tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Loại đất dự kiến thu hồi	Diện tích dự kiến thu hồi theo trích lục địa chính (m2)	Ghi chú
465	Nguyễn Ngọc Tráng	Đội 7				27,6	
466	Nguyễn Văn Chín (đã chết), con Nguyễn Văn Thái đang sử dụng	Đội 7				27,6	
467	UBND phường					785,6	
468	Đào Thị Thước (Soạn) đã chết, con Đào Thị Thìn đang sử dụng	Đội 7				18,4	
469	Đào Văn Suốt	Đội 7				36,8	
470	Nguyễn Văn Sót	Đội 7				55,2	
471	Nguyễn Văn Đóa (đã chết), con Nguyễn Văn Đức đang sử dụng	Đội 7				27,6	
472	Nguyễn Văn Đức	Đội 7				36,8	
473	Nguyễn Thị Hòa	Đội 7				18,4	
474	Trần Thị Sinh	Đội 7				27,6	
475	Trần Văn Dư (đã chết), con Trần Văn Thanh đang sử dụng	Đội 7				55,2	
476	Nguyễn Thị Thế	Đội 7				46,0	
477	Trần Văn Diến (đã chết), con dâu Vũ Thị Dự đang sử dụng	Đội 7				18,4	
478	Nguyễn Văn Ninh (đã chết), con gái Nguyễn Thị Huệ đang sử dụng	Đội 7				18,4	
479	Trần Văn Hòa	Đội 7				36,8	
480	Bùi Thị Tuyết (đã chết) con Tống Như Cương đang sử dụng	Đội 7				9,2	
481	Nguyễn Văn Vận (đã chết), con Nguyễn Thị Mận đang sử dụng	Đội 7				18,4	
482	Phạm Thị Tuất	Đội 7				36,8	
483	Nguyễn Mạnh Tường (đã chết), con Nguyễn Mạnh Tiến đang sử dụng	Đội 7				36,8	
484	Trần Thị Loan	Đội 7				64,4	
485	Nguyễn Thị Tuất (đã chết) con Nguyễn Thị Ái đang sử dụng	Đội 7				27,6	
486	Tống Thị Thúy	Đội 7				18,4	
487	Nguyễn Văn Ân (đã chết), con Nguyễn Đức Giang đang sử dụng	Đội 7				9,2	
488	Phạm Thị Tý (đã chết), con Trần Văn Phú đang sử dụng	Đội 7				9,2	
489	Đào Thị Tý (đã chết) con Nguyễn Văn Chiêu đang sử dụng	Đội 7				9,2	
490	Nguyễn Thị Miên (đã chết) con trai Đào Văn Hùng đang sử dụng	Đội 7	42	69	LUC	18,4	

Stt	Hộ gia đình, cá nhân	Đội sản xuất	Tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Loại đất dự kiến thu hồi	Diện tích dự kiến thu hồi theo trích lục địa chính (m2)	Ghi chú
491	Đào Thị Khiển (đã chết), con Đào Văn Thiều đang sử dụng	Đội 7				18,4	
492	Trần Văn Kham (đã chết), con gái Trần Thị Nữ đang sử dụng	Đội 7				55,2	
493	Nguyễn Thị Ngọt (đã chết), con Hà Văn Kim đang sử dụng	Đội 7				9,2	
494	Phạm Thị Liên (đã chết), con Phạm Ngọc Tú đang sử dụng	Đội 7				27,6	
495	Nguyễn Đức Nguyên	Đội 7				46,0	
496	Đào Văn Liệu (đã chết), con Đào Hải Giang đang sử dụng	Đội 7				18,4	
497	Đào Văn Thiết (đã chết), vợ Nguyễn Thị Vy đang sử dụng	Đội 7				27,6	
498	Đào Văn Thực	Đội 7				36,8	
499	Trần Văn Kính	Đội 7				64,4	
500	Trần Thị Hợi (đã chết), con Đào Đình Liên đang sử dụng	Đội 7				73,6	
501	Đào Văn Hiến (đã chết), vợ Đặng Thị Lý đang sử dụng	Đội 7				36,8	
502	Đào Thị Loan	Đội 7				36,8	
503	Đào Thị Bình	Đội 7				27,6	
504	Tạ Kim Động (đã chết), con Tạ Thị Cong đang sử dụng	Đội 7				27,6	
505	Vũ Thị Hấn (đã chết), con dâu Phạm Thị Liên đang sử dụng	Đội 7				9,2	
506	Nguyễn Thị Nay	Đội 7				36,8	
507	Phạm Thị Nậm (đã chết), con Phạm Đức Thắng đang sử dụng	Đội 7				27,6	
508	Nguyễn Hữu Cầm (đã chết), con Nguyễn Hữu Sáng đang sử dụng	Đội 7				9,2	
509	Trần Thị Điền	Đội 7				27,6	
510	Hoàng Văn Năm	Đội 7				36,8	
511	Nguyễn Thị Phương	Đội 7				18,4	
512	UBND phường Trần Lãm					18,4	
513	UBND phường					5,9	
514	UBND phường		37	149	LUC	270,0	
515	UBND phường		37	154	LUC	362,5	
516	UBND phường		37	167	LUC	13,5	
517	UBND phường		38	42	LUC	1,6	
518	UBND phường		38	45	LUC	147,8	
519	UBND phường		38	51	LUC	62,5	
520	UBND phường		38	53	LUC	14,5	

Stt	Hộ gia đình, cá nhân	Đội sản xuất	Tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Loại đất dự kiến thu hồi	Diện tích dự kiến thu hồi theo trích lục địa chính (m2)	Ghi chú
521	UBND phường		38	54	LUC	6,6	
522	UBND phường		38	66	LUC	2,8	
523	UBND phường		38	74	LUC	63,8	
524	UBND phường		38	78	LUC	208,1	
525	UBND phường		38	95	LUC	41,7	
526	UBND phường		38	82	LUC	99,0	
527	UBND phường		39	5	LUC	149,4	
528	UBND phường		41	6	LUC	335,2	
529	UBND phường		41	3	LUC	873,1	
530	UBND phường		41	8	LUC	727,9	
531	UBND phường		41	11	LUC	215,0	
532	UBND phường		41	31	LUC	57,9	
533	UBND phường		41	32	LUC	677,1	
534	UBND phường		41	34	LUC	763,1	
535	UBND phường		41	35	LUC	651,9	
536	UBND phường		41	36	LUC	331,6	
537	UBND phường		41	37	LUC	349,5	
538	UBND phường		41	38	LUC	380,4	
539	UBND phường		41	39	LUC	325,3	
540	UBND phường		41	40	LUC	393,0	
541	UBND phường		41	41	LUC	43,0	
542	UBND phường		41	52	LUC	717,0	
543	UBND phường		41	56	LUC	599,1	
544	UBND phường		41	57	LUC	275,8	
545	UBND phường		41	58	LUC	199,0	
546	UBND phường		41	61	LUC	719,9	
547	UBND phường		41	77	LUC	147,5	
548	UBND phường		41	78	LUC	87,4	
549	UBND phường		42	1	LUC	79,9	
550	UBND phường		42	2	LUC	166,2	
551	UBND phường		42	4	LUC	167,4	
552	UBND phường		42	5	NTD	42,6	
553	UBND phường		42	12	LUC	105,2	
554	UBND phường		42	13	LUC	976,3	
555	UBND phường		42	19	LUC	572,7	
556	UBND phường		42	22	LUC	786,9	
557	UBND phường		42	28	LUC	63,7	
558	UBND phường		42	34	LUC	355,2	
559	UBND phường		42	38	LUC	46,9	
560	UBND phường		42	49	LUC	58,0	
561	UBND phường		42	55	LUC	269,5	
562	UBND phường		42	58	LUC	383,4	
563	UBND phường		42	59	LUC	222,0	
564	UBND phường		42	73	LUC	521,3	

Stt	Hộ gia đình, cá nhân	Đội sản xuất	Tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Loại đất dự kiến thu hồi	Diện tích dự kiến thu hồi theo trích lục địa chính (m2)	Ghi chú
565	UBND phường		43	15	LUC	79,4	
566	UBND phường		43	17	LUC	169,1	
567	UBND phường		43	19	LUC	287,4	
568	UBND phường		43	23	LUC	30,7	
569	UBND phường		43	29	LUC	60,5	
570	UBND phường			3001	DGT	171,7	
571	UBND phường			3002	DGT	3.613,3	
572	UBND phường			3003	DGT	77,8	
573	UBND phường			3004	DGT	120,2	
574	UBND phường			3005	DGT	60,5	
575	UBND phường			3006	DGT	60,8	
576	UBND phường			3007	DGT	50,6	
577	UBND phường			3008	DGT	61,2	
578	UBND phường			3009	DGT	61,5	
579	UBND phường			3010	DGT	60,0	
580	UBND phường			3011	DGT	59,9	
581	UBND phường			3012	DGT	148,9	
582	UBND phường			3013	DGT	60,4	
583	UBND phường			3014	DGT	60,9	
584	UBND phường			3015	DGT	46,2	
585	UBND phường			3016	DGT	61,7	
586	UBND phường			3017	DGT	102,3	
587	UBND phường			3018	DGT	74,2	
588	UBND phường			3019	DGT	165,0	
589	UBND phường			3020	DGT	86,4	
590	UBND phường			3021	DGT	89,1	
591	UBND phường			3022	DGT	91,8	
592	UBND phường			3023	DGT	94,2	
593	UBND phường			3024	DGT	417,6	
594	UBND phường			3025	DGT	305,0	
595	UBND phường			3027	DGT	402,0	
596	UBND phường			3028	DGT	44,6	
597	UBND phường			3029	DGT	6,7	
598	UBND phường			3030	DGT	18,2	
599	UBND phường			4001	DTL	1.225,5	
600	UBND phường			4002	DTL	540,3	
601	UBND phường			4003	DTL	140,8	
602	UBND phường			4004	DTL	260,4	
603	UBND phường			4005	DTL	1.250,8	
604	UBND phường			4006	DTL	122,7	
605	UBND phường			4007	DTL	150,1	
606	UBND phường			1272	DTL	7,7	
	Tổng cộng					**164.042,4**	